

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

Số: 1206/QĐ-CDCT

QUYẾT ĐỊNH

**V/v cấp học bổng khuyến khích học tập của học kỳ 1,
năm học 2024 – 2025 cho sinh viên khóa 46, khóa 47 và khóa 48**

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 2043/QĐ-BCT ngày 06 tháng 03 năm 2015 của Bộ Công thương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Trường Cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 07 năm 2020 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều Luật giáo dục;

Căn cứ vào Quyết định số 1153/QĐ-CDCT ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Trường Cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên;

Xét Biên bản họp ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng xét, cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên chính quy năm học 2024 - 2025; và theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác học sinh sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học tập của học kỳ 1, năm học 2024 - 2025 cho **612** sinh viên khóa 46, khóa 47 và khóa 48 thuộc các khoa chuyên ngành, cụ thể như sau:

Stt	Đơn vị	Tổng số SV đạt học bổng	Loại học bổng		
			Xuất sắc	Giỏi	Khá
1	Khoa Cơ khí	125	0	24	101
2	Khoa Công nghệ thông tin	83	2	37	44
3	Khoa Điện, Điện tử	80	0	24	56
4	Khoa Công nghệ thời trang	23	0	11	12
5	Khoa Du lịch	79	1	40	38
6	Khoa Kinh tế tài chính	97	3	63	31
7	Khoa Quản trị kinh doanh	98	2	43	53
8	Khoa Ngoại ngữ	27	1	11	15
Tổng cộng		612	9	253	350

(có danh sách sinh viên kèm theo).

Điều 2. Nguồn kinh phí từ Quỹ học bổng khuyến khích học tập năm học 2024 - 2025 của Nhà trường.

Tổng số tiền cấp học bổng: **3.809.797.500 đồng**.

(Bằng chữ: Ba tỷ tám trăm linh chín triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn, năm trăm đồng).

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Công tác Học sinh - Sinh viên, Trưởng phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng phòng Tài chính Kế toán và các sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, CTHSSV.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Trần Vũ Vượng



BẢNG TỔNG HỢP SINH VIÊN NHẬN TIỀN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP KHOA KINH TẾ TÀI CHÍNH
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024 - 2025

Stt	Khóa học	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc/sinh viên	Giỏi	Học bổng loại Giỏi/sinh viên	Khá	Học bổng loại Khá/sinh viên	Tổng cộng số sinh viên đạt học bổng	Tổng số tiền học bổng loại xuất sắc	Tổng số tiền học bổng loại giỏi	Tổng số tiền học bổng loại khá	Tổng cộng
1	Khóa 46	0	6.050.000	0	5.775.000	1	5.500.000	1	-	-	5.500.000	5.500.000
2	Khóa 47	3	5.775.000	31	5.512.500	8	5.250.000	42	17.325.000	170.887.500	42.000.000	230.212.500
3	Khóa 48	0	6.765.000	32	6.457.500	22	6.150.000	54	-	206.640.000	135.300.000	341.940.000
	Tổng cộng	3		63		31		97	17.325.000	377.527.500	182.800.000	577.652.500

Số tiền bằng chữ: Năm trăm bảy mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi hai ngàn năm trăm đồng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Thu Hiền

Lê Quang Vinh

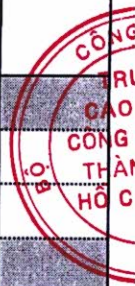
Lê Thị Tâm

Ths. Trần Vũ Vượng

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN TIỀN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP KHOA KINH TẾ TÀI CHÍNH
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024 - 2025

Kèm theo quyết định số: 106/QĐ-CDCT, ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
Khóa 46																5.500.000	
Ngành Tài chính ngân hàng																5.500.000	
1	2122190006	Trần Thị Thúy	Ngọc	05/03/2004	CCQ2219A	15	15	7,95	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.100.000	5	5.500.000	
Khóa 47																230.212.500	
Ngành Kế toán																149.625.000	
1	2123100172	Đỗ Khánh	Nhung	12/07/2002	CCQ2310E	17	17	9,32	Xuất sắc	90	XS	Đạt	Xuất sắc	1.050.000	5	5.775.000	
2	2123100244	Đỗ Thị Thanh	Thảo	24/08/2004	CCQ2310G	21	21	9,09	Xuất sắc	95	XS	Đạt	Xuất sắc	1.050.000	5	5.775.000	
3	2123100062	Trần Ngọc Yến	Vy	16/01/2004	CCQ2310B	21	21	9,01	Xuất sắc	90	XS	Đạt	Xuất sắc	1.050.000	5	5.775.000	
4	2123100058	Võ Ngọc	Tồn	16/12/1999	CCQ2310B	21	21	9,2	Xuất sắc	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
5	2123100245	Nguyễn Nhật Thuý	Trang	12/03/2005	CCQ2310G	21	21	8,99	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
6	2123100052	Đặng Phạm Yến	Linh	09/06/2005	CCQ2310B	18	18	8,96	Giỏi	87	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
7	2123100027	Lê Thị Kim	Thoa	18/09/2001	CCQ2310A	18	18	8,94	Giỏi	87	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
8	2123100061	Nguyễn Ánh	Tuyết	21/08/2004	CCQ2310B	21	21	8,93	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
9	2123100046	Võ Hồng	Ngọc	01/04/2005	CCQ2310B	18	18	8,9	Giỏi	83	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
10	2123100066	Đặng Trường	Nguyễn	20/07/2005	CCQ2310B	18	18	8,87	Giỏi	88	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	



STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
11	2123100161	Lê Thị Tường	Vy	29/06/2005	CCQ2310E	20	20	8,8	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
12	2123100141	Nguyễn Thị Kim	Ngân	10/10/2002	CCQ2310D	21	21	8,78	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
13	2123100253	Nguyễn Thị Thanh	Lam	19/03/2005	CCQ2310G	21	21	8,77	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
14	2123100014	Nguyễn Anh	Kiệt	03/11/2005	CCQ2310A	18	18	8,71	Giỏi	95	XS	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
15	2123100001	Bùi Thị Mỹ	Quê	20/11/1998	CCQ2310A	21	21	8,7	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
16	2123100256	Trần Thị Ngân	Huệ	02/03/2005	CCQ2310H	21	21	8,62	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
17	2123100275	Hoàng Thị Lệ	Hằng	30/01/2005	CCQ2310H	21	21	8,58	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
18	2123100290	Hồ Trần Thanh	Vy	16/01/2005	CCQ2310H	21	21	8,56	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
19	2123100119	Hồ Thị Thanh	Thúy	27/01/2005	CCQ2310D	21	21	8,55	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
20	2123100205	Phạm Thị Nhật	My	01/02/2005	CCQ2310F	20	20	8,5	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
21	2123100012	Nguyễn Thị Thanh	Vân	26/07/2001	CCQ2310A	18	18	8,48	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
22	2123100175	Dương Thị Hồng	Nhã	19/11/2003	CCQ2310E	20	20	8,44	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
23	2123100103	Bùi Thị Thu	Trang	14/10/2004	CCQ2310C	21	21	8,43	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
24	2123100193	Huỳnh Thị	Thoại	01/01/2005	CCQ2310F	17	17	8,43	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
25	2123100221	Lê Văn Trường	Anh	14/08/2005	CCQ2310G	21	21	8,43	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
26	2123100088	Văn Thị Ngọc	Linh	19/08/2002	CCQ2310C	21	21	8,38	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
27	2123100208	Nguyễn Thị Thanh	Phương	11/11/2005	CCQ2310F	17	17	8,36	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
Ngành Tài chính ngân hàng																48.825.000	
1	2123190002	Nguyễn Thị Hồng	Tuyết	08/02/2003	CCQ2319A	15	15	9,12	Xuất sắc	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
2	2123190062	Phạm Thị Ngọc	Nữ	16/12/2005	CCQ2319B	15	15	8,78	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
3	2123190084	Phan Thị Ái	Linh	06/10/2005	CCQ2319C	18	18	8,59	Giỏi	95	XS	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
4	2123190116	Trần Trà	My	26/12/2003	CCQ2319A	18	18	8,53	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
5	2123190098	Đặng Thảo	Nguyễn	28/05/2005	CCQ2319C	18	18	8,38	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
6	2123100143	Trương Ngọc Minh	Hương	13/09/2005	CCQ2319A	20	20	8,2	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
7	2123190006	Trần Thị Mỹ	Hoàng	08/09/2003	CCQ2319A	15	15	9,01	Xuất sắc	75	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
8	2123190113	Huỳnh Lâm Thanh	Ngân	27/06/2005	CCQ2319A	18	18	8,43	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
9	2123190082	Hán Ngọc An	Khương	30/06/2003	CCQ2319A	18	18	8,34	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
Ngành Logistic																31.762.500	
1	2123300046	Nguyễn Huỳnh	Như	12/11/2005	CCQ2330B	16	16	8,7	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
2	2123300027	Đặng Hoài Thiên	Kiều	22/09/2004	CCQ2330A	16	16	8,81	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
3	2123300095	Trần Thị Thu	Hương	05/01/2005	CCQ2330C	16	16	7,85	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
4	2123300060	Nguyễn Xuân	Hiệp	21/06/2005	CCQ2330B	16	16	7,76	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
5	2123300132	Nguyễn Trọng	Lưu	10/09/2005	CCQ2330D	17	17	7,59	Khá	89	Tốt	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
6	2123300033	Nguyễn Trần	Châu	04/03/2005	CCQ2330A	16	16	6,78	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
Khóa 48																341.940.000	
Ngành Kế toán																163.590.000	
1	2124100023	Nguyễn Thị	Yến	10/11/1999	CCQ2410A	20	20	9,5	Xuất sắc	81	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
2	2124100090	Phạm Thị	Thương	08/10/2001	CCQ2410C	20	20	9,23	Xuất sắc	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
3	2124100214	Trần Lê Huyền	Trâm	17/10/2006	CCQ2410F	20	20	9,22	Xuất sắc	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
4	2124100010	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	04/07/2003	CCQ2410A	20	20	8,93	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
5	2124100069	Hồ Thị	Lượng	19/01/2006	CCQ2410B	20	20	8,85	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
6	2124100171	Phùng Đỗ Hoài	Anh	28/09/2006	CCQ2410E	20	20	8,76	Giỏi	95	XS	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
7	2124100080	Nguyễn Thị Thu	Phượng	14/11/2005	CCQ2410C	20	20	8,69	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
8	2124100194	Nguyễn Thị Ngọc	Mơ	03/06/2006	CCQ2410F	20	20	8,48	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	

ĐỒNG
 ĐẶNG
 HUỖN
 PHÚC
 Í MINH

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
9	2124100196	Lê Ngọc Kim	Thy	10/12/2006	CCQ2410F	20	20	8,47	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
10	2124100191	Cao Thị Quỳnh	Như	24/09/2006	CCQ2410F	20	20	8,36	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
11	2124100150	Nguyễn Ngọc	Anh	04/11/2006	CCQ2410E	20	20	8,19	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
12	2124100172	Phạm Thanh	Vân	17/12/2006	CCQ2410E	20	20	8,1	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
13	2124100014	Nguyễn Thị	Nhàn	28/04/2004	CCQ2410A	20	20	9,3	Xuất sắc	75	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
14	2124100134	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	06/10/2006	CCQ2410D	20	20	8,92	Giỏi	77	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
15	2124100101	Nguyễn Lê Ngọc	Ánh	20/11/2006	CCQ2410C	20	20	8,83	Giỏi	71	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
16	2124100228	Lê Thị Anh	Thư	28/06/2003	CCQ2410B	20	20	8,68	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
17	2124100127	Võ Ngọc	Sáng	29/09/2006	CCQ2410D	20	20	8,67	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
18	2124100224	Trần Thị Thanh	Thảo	05/10/2005	CCQ2410C	20	20	8,54	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
19	2124100139	Cao Ngọc Hải	Yến	21/12/2006	CCQ2410D	20	20	8,28	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
20	2124100029	Huỳnh Thị Ngọc	Nhân	04/01/2006	CCQ2410A	20	20	8,13	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
21	2124100099	Nguyễn Thị	Mến	31/08/2004	CCQ2410C	20	20	7,98	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
22	2124100002	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	20/07/1997	CCQ2410A	20	20	7,93	Khá	99	XS	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
23	2124100170	Trần Ngọc Nhã	My	26/12/2006	CCQ2410E	20	17	7,93	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
24	2124100220	Trần Thị Thanh	Vy	20/02/2004	CCQ2410F	20	20	7,91	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
25	2124100015	Nguyễn Thị Như	Thảo	10/04/2006	CCQ2410A	20	20	7,9	Khá	71	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
26	2124100223	Nguyễn Thị Diễm	Hương	04/10/2006	CCQ2410B	20	20	7,88	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
																64.575.000	
Ngành Tài chính ngân hàng																	
1	2124190107	Võ Hồng	Chi	24/06/2006	CCQ2419C	16	16	9,21	Xuất sắc	88	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
2	2124190070	Lê Trần Triều	Vy	04/11/2006	CCQ2419B	16	16	9,01	Xuất sắc	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
3	2124190080	Trần Thị Thanh	Thảo	22/07/2006	CCQ2419C	16	16	8,96	Xuất sắc	88	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
4	2124190072	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	11/11/2006	CCQ2419B	16	16	8,75	Giỏi	100	XS	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
5	2124190024	Thọ Nữ An	Phận	14/11/2003	CCQ2419A	16	16	8,71	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
6	2124190001	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	28/02/2005	CCQ2419A	16	16	8,71	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
7	2124190068	Hoàng Phạm Quỳnh	Giao	22/10/2006	CCQ2419B	16	16	8,56	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
8	2124190041	Đỗ Thị Ngọc	Trâm	30/12/2006	CCQ2419B	16	16	8,58	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
9	2124190100	Nguyễn Khánh	Linh	07/01/2006	CCQ2419C	16	16	8,53	Giỏi	95	XS	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
10	2124190044	Phạm Lê Quỳnh	Hương	25/06/2006	CCQ2419B	16	16	8,54	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
Ngành Logistic																113.775.000	
1	2124300169	Lê Thị Thu	Ngân	29/01/2006	CCQ2430E	15	15	8,93	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
2	2124300172	Nguyễn Đức	Tài	18/01/2006	CCQ2430E	15	15	8,84	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
3	2124300061	Nguyễn Anh	Thống	21/05/2006	CCQ2430B	15	15	8,66	Giỏi	95	XS	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
4	2124300184	Huỳnh Mạnh	Cường	23/09/2006	CCQ2430E	15	15	8,61	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
5	2124300081	Vi Quang	Tuấn	26/01/2006	CCQ2430C	15	15	8,43	Giỏi	88	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
6	2124300180	Trần Thị Thanh	Nhi	30/11/1999	CCQ2430E	15	15	8,34	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
7	2124300140	Hồ Ngọc Thanh	Thảo	26/07/2005	CCQ2430D	15	15	8,27	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
8	2124300035	Trần Thanh	Tiền	07/05/2006	CCQ2430A	15	15	8,17	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
9	2124300025	Phan Thị	Na	26/07/2002	CCQ2430A	15	15	8,01	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
10	2124300185	Lê Gia	Huy	02/03/2004	CCQ2430E	15	15	8,01	Giỏi	82	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
11	2124300002	Võ Ngọc	Phúc	08/11/2003	CCQ2430A	15	15	8,75	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
12	2124300043	Lê Thị	Giang	05/02/2001	CCQ2430B	15	15	8,62	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
13	2124300036	Phạm Thành	Kiệt	21/03/2005	CCQ2430A	15	15	8,57	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
14	2124300177	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	06/12/2006	CCQ2430E	15	15	8,36	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
15	2124300013	Nguyễn Đỗ Trà	My	18/03/2006	CCQ2430A	15	15	8,25	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
16	2124300154	Nguyễn Thị Như	Ý	10/06/2006	CCQ2430E	15	15	8,22	Giỏi	77	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
17	2124300162	Bùi Nữ Bình	An	08/01/2005	CCQ2430E	15	15	8,16	Giỏi	78	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
18	2124300015	Nguyễn Hồng	Ánh	01/10/2006	CCQ2430A	15	15	8,16	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
		TỔNG CỘNG:	97													577.652.500	

Số tiền bằng chữ: Năm trăm bảy mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi hai ngàn năm trăm đồng

Khóa học	Xuất sắc	Giỏi	Khá	TC
Khóa 46	0	0	1	1
Khóa 47	3	31	8	42
Khóa 48	0	32	22	54
Tổng cộng	3	63	31	97

NGƯỜI LẬP

Phạm Thị Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV

Lê Quang Vinh

KÊ TOÁN TRƯỞNG

Lê Thị Tâm

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Ths. Trần Vũ Vượng

BẢNG TỔNG HỢP SINH VIÊN NHẬN TIỀN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024 - 2025

Stt	Khóa học	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc/sinh viên	Giỏi	Học bổng loại Giỏi/sinh viên	Khá	Học bổng loại Khá/sinh viên	Tổng cộng số sinh viên đạt học bổng	Tổng số tiền học bổng loại xuất sắc	Tổng số tiền học bổng loại giỏi	Tổng số tiền học bổng loại khá	Tổng cộng
1	Khóa 46	0	6.050.000	1	5.775.000	7	5.500.000	8	-	5.775.000	38.500.000	44.275.000
2	Khóa 47	1	5.775.000	31	5.512.500	27	5.250.000	59	5.775.000	170.887.500	141.750.000	318.412.500
3	Khóa 48	1	6.765.000	11	6.457.500	19	6.150.000	31	6.765.000	71.032.500	116.850.000	194.647.500
	Tổng cộng	2		43		53		98	12.540.000	247.695.000	297.100.000	557.335.000

Số tiền bằng chữ: Năm trăm năm mươi bảy triệu ba trăm ba mươi lăm ngàn đồng

NGƯỜI LẬP

Phạm Thị Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV

Lê Quang Vinh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Thị Tâm

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025



Ths. Trần Vũ Vượng

BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN TIỀN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024 - 2025

Kèm theo quyết định số: 1206/QĐ-CDCT, ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
	Khóa 46															44.275.000	
	Ngành QTKD+ QTKD XNK															44.275.000	
1	2122120566	Trần Minh	Nhật	07/11/2004	CCQ2212P	16	16	8,35	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1.100.000	5	5.775.000	
2	2122120510	Trương Nguyên	Phương	19/06/2004	CCQ2212M	18	18	7,72	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.100.000	5	5.500.000	
3	2122120571	Lê Kim	Bích	03/10/2004	CCQ2212P	15	15	7,26	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.100.000	5	5.500.000	
4	2122120269	Huỳnh Thị Kim	Chi	01/11/2003	CCQ2212H	16	16	7,12	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.100.000	5	5.500.000	
5	2122120393	Nguyễn Kim	Yên	17/02/2004	CCQ2212L	15	15	6,93	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.100.000	5	5.500.000	
6	2122120248	Trần Thị	Lài	16/03/2004	CCQ2212H	18	16	6,56	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.100.000	5	5.500.000	
7	2122120309	Huỳnh Thị Mỹ	Đoan	16/05/2003	CCQ2212J	16	16	6,56	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.100.000	5	5.500.000	
8	2122200179	Phan Huỳnh Thanh	Loan	15/07/2004	CCQ2220F	15	15	7,35	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.100.000	5	5.500.000	
	Khóa 47															318.412.500	
	Ngành QTKD+Ngành QTKD XNK															307.912.500	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
1	2123120306	Nguyễn Ngọc	Thảo Vy	29/09/2003	CCQ2312F	24	24	9,08	Xuất sắc	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
2	2123120247	Cao Thị Hồng	Tú	20/07/2002	CCQ2312E	24	24	8,9	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
3	2123120600	Bùi Thanh	Khải	02/01/2005	CCQ2312J	17	17	8,85	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
4	2123120361	Nguyễn Quốc	Anh	29/08/2005	CCQ2312G	16	16	8,61	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
5	2123120027	Trương Thị Thu	Hà	06/01/2004	CCQ2312A	22	22	8,51	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
6	2123120597	Phạm Nguyễn Hà	Vy	14/04/2005	CCQ2312J	17	17	8,46	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
7	2123120005	Nguyễn Thị Ngọc	Hơn	04/04/2003	CCQ2312A	22	22	8,45	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
8	2123120515	Trần Anh	Thư	03/04/2005	CCQ2312B	22	22	8,44	Giỏi	100	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
9	2123120599	Nguyễn Thị Hải	Yến	25/08/2005	CCQ2312J	20	20	8,41	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
10	2123120469	Nông Thị Quế	Anh	26/03/2004	CCQ2312I	17	17	8,36	Giỏi	95	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
11	2123120155	Nguyễn Hoàng	Phúc	07/10/2005	CCQ2312C	22	22	8,35	Giỏi	95	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
12	2123120439	Nguyễn Lan	Anh	25/03/2005	CCQ2312H	16	16	8,24	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
13	2123120649	Nguyễn Thị	Mỹ	26/01/2005	CCQ2312K	20	20	8,23	Giỏi	92	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
14	2123120195	Phạm Hoàng	Phúc	22/01/2005	CCQ2312D	22	22	8,16	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
15	2123120228	Lương Gia Phước	Thành	04/12/2003	CCQ2312E	24	24	8,14	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
16	2123120080	Nguyễn Thị Yến	Linh	21/11/2005	CCQ2312B	22	22	8,1	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
17	2123120082	Nguyễn Thị Ái	Loan	09/08/2003	CCQ2312B	22	22	8,08	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
18	2123120096	Lê Quang	Nhân	31/05/2005	CCQ2312B	25	25	8,08	Giỏi	100	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
19	2123120427	Hoàng Thị	Hòa	09/10/2005	CCQ2312H	16	16	8,06	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
20	2123120603	Nguyễn Tấn	Dũng	13/12/2005	CCQ2312J	17	17	8,04	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
21	2123120176	Lê Phát	Tài	14/02/2005	CCQ2312D	22	22	8,03	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
22	2123120699	Trần Thị Quỳnh	Ngân	13/11/2005	CCQ2312L	17	17	7,99	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
23	2123120471	Nguyễn Ngọc	Hân	04/05/2003	CCQ2312I	17	17	7,98	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
24	2123120627	Võ Thái Hải	Anh	02/12/2004	CCQ2312K	17	17	7,94	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
25	2123120608	Nguyễn Thị Thảo	Uyên	31/03/2005	CCQ2312K	17	17	7,92	Khá	90	Xuất sắc	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
26	2123120162	Trương Thục	Linh	20/09/2005	CCQ2312C	24	24	7,89	Khá	90	Xuất sắc	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
27	2123120042	Nguyễn Thị Trà	My	24/05/2005	CCQ2312A	25	25	7,88	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
28	2123120050	Trần Thị Mai	Dương	05/02/2005	CCQ2312A	20	20	7,85	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
29	2123120684	Nguyễn Đào Hoàng T	Trân	12/12/2005	CCQ2312L	17	17	7,85	Khá	73	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
30	2123120075	Hồ Văn	Phước	05/10/2005	CCQ2312B	22	22	7,81	Khá	95	Xuất sắc	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
31	2123120602	Hoàng Thị Hồng	Hiệp	28/05/2005	CCQ2312J	17	17	7,81	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
32	2123120122	Huỳnh Ngọc Thảo	Vi	01/01/2005	CCQ2312C	22	22	7,8	Khá	90	Xuất sắc	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
33	2123120685	Đặng Thị	Lợi	26/06/2004	CCQ2312D	22	22	7,8	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
34	2123120178	Lê Trí	Nguyễn	27/01/2004	CCQ2312D	22	22	7,79	Khá	95	Xuất sắc	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
35	2123120108	Nguyễn Thị Kim	Oanh	26/01/2001	CCQ2312C	22	22	7,74	Khá	95	Xuất sắc	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
36	2123120045	Dương Thị Phượng	Nga	16/07/2005	CCQ2312A	20	20	7,72	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	

NG
TRƯỞ
AO Đ
NG TH
HÀNH
CHỈ

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
37	2123120009	Võ Minh	Thư	25/07/2005	CCQ2312A	25	25	7,72	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
38	2123200142	Nguyễn Thị	Chung	19/03/2004	CCQ2320B	21	21	9.11	Xuất sắc	100	Xuất sắc	Đạt	Xuất sắc	1.050.000	5	5.775.000	
39	2123200184	Thái Nhật	Hà	25/03/2000	CCQ2320B	21	21	8.8	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
40	2123200578	Lê Trần Hạ	Vy	08/06/2005	CCQ2320A	21	21	8.7	Giỏi	88	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
41	2123200454	Trần Thị Trà	My	23/08/2005	CCQ2320E	18	18	8.38	Giỏi	92	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
42	2123200112	Lâm Thuý	Tiên	24/12/2005	CCQ2320A	21	21	8.34	Giỏi	88	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
43	2123200481	Phạm Quỳnh Trúc	Như	21/09/2003	CCQ2320F	15	15	8.3	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
44	2123200305	Hà Thu	Hoài	05/04/2005	CCQ2320C	19	19	8.28	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
45	2123200128	Nguyễn Thị Cẩm	Giàu	15/04/2005	CCQ2320B	21	21	8.16	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
46	2123200620	Trần Hồ Anh	Tuấn	15/01/2005	CCQ2320G	19	19	8.13	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
47	2123200366	Đỗ Gia	Hân	27/05/2005	CCQ2320D	19	19	8.12	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
48	2123200482	Nguyễn Thị Yến	Nhi	08/01/2005	CCQ2320F	21	21	8.09	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
49	2123200656	Nguyễn Thị Kim	Hoa	17/01/2005	CCQ2320G	21	21	8.08	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
50	2123200622	Nguyễn Thị Bích	Vy	29/05/2005	CCQ2320G	21	21	7,92	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
51	2123200449	Tổng Thị	My	17/03/2005	CCQ2320E	18	18	7,89	Khá	71	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
52	2123200476	Trần Thị Mỹ	Ngọc	30/05/2004	CCQ2320F	21	21	7,89	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
53	2123200501	Phan Mai Thanh	Thúy	22/11/2004	CCQ2320F	21	21	7,8	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
54	2123200081	Nguyễn Bá	Tài	14/09/2004	CCQ2320A	21	21	7,79	Khá	90	Xuất sắc	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
55	2123200312	Nguyễn Ngọc Phượng	Vy	24/08/2005	CCQ2320D	19	19	7,74	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
56	2123200457	Trần Thị Ngọc	Trinh	21/06/2005	CCQ2320E	18	18	7,74	Khá	72	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
57	2123200696	Trần Thị Thu	Hiền	10/06/2005	CCQ2320G	19	19	7,74	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
	Ngành Thương mại điện tử															10.500.000	
1	2123310022	Bùi Thị Minh	Hiền	01/01/2004	CCQ2331A	20	20	7.79	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
2	2123310039	Huỳnh Nhật	Kiên	14/05/1998	CCQ2331B	17	17	7,54	Khá	100	Xuất sắc	Đạt	Khá	1.050.000	5	5.250.000	
	Khóa 48															194.647.500	
	Ngành Thương mại điện tử															108.547.500	
1	2124310107	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	21/09/2004	CCQ2431D	16	16	9.14	Xuất sắc	95	Xuất sắc	Đạt	Xuất sắc	1.230.000	5	6.765.000	
2	2124310096	Trần Thị Khánh	Ngọc	18/11/2006	CCQ2431C	16	16	8.67	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
3	2124310103	Trần Thị	Vân	24/09/2005	CCQ2431A	16	16	8.48	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
4	2124310037	Dương Trùng	Dương	22/08/2004	CCQ2431B	16	16	8.43	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
5	2124310082	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	09/01/2006	CCQ2431C	16	16	8.39	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
6	2124310133	Bùi Thị Mỹ	Tâm	26/08/2006	CCQ2431D	16	16	8.36	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
7	2124310138	Nguyễn Thị Như	Ý	11/05/2006	CCQ2431D	16	16	8.34	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
8	2124310002	Võ Thành	Dinh	01/08/2004	CCQ2431A	16	16	8.28	Giỏi	92	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
9	2124310033	Nguyễn Thùy	Dương	19/09/2006	CCQ2431A	16	16	8,24	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
10	2124310001	Võ Ngọc Minh	Thư	12/09/2005	CCQ2431A	16	16	8,18	Giỏi	92	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
11	2124310015	Lê Khả	Vy	18/08/2006	CCQ2431A	16	16	8,16	Giỏi	88	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
12	2124310144	Nguyễn Ngọc	Tuyền	15/04/2001	CCQ2431D	16	16	8,14	Giỏi	78	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
13	2124310136	Nguyễn Đức	Chí	10/05/2006	CCQ2431D	16	16	8,09	Giỏi	73	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
14	2124310075	Hồ Thị Thuý	Tiên	20/04/2005	CCQ2431C	16	16	8,04	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
15	2124310003	Đặng Hữu	Kha	07/08/2005	CCQ2431A	16	16	7,98	Khá	82	Tốt	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
16	2124310145	Võ Thị Minh	Thư	16/09/2004	CCQ2431D	16	16	7,98	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
17	2124310072	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	06/07/2005	CCQ2431C	16	16	7,96	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
	Ngành Kinh doanh xuất nhập khẩu															86.100.000	
1	2124320016	Nguyễn Thị Ngọc	Chi	26/01/2005	CCQ2432A	15	15	8.29	Giỏi	78	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
2	2124320021	Huỳnh Trần Mỹ	Tiên	25/07/2005	CCQ2432A	15	15	8.19	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
3	2124320085	Trần Lê Anh	Thư	25/09/2004	CCQ2432C	15	15	8.1	Giỏi	73	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
4	2124320127	Trần Thị Bích	Trâm	25/02/2006	CCQ2432C	15	15	7.95	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
5	2124320023	Lương Thị Ngọc	Anh	15/08/2006	CCQ2432A	15	15	7.9	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
6	2124320063	Nguyễn Hồng	Phương	07/01/2006	CCQ2432B	15	15	7.85	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
7	2124320037	Nguyễn Văn	Dương	15/04/2005	CCQ2432A	15	15	7.63	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
8	2124320109	Trần Châu	Tuấn	18/11/2006	CCQ2432C	15	15	7,61	Khá	90	Xuất sắc	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
9	2124320108	Phan Kim	Ngân	23/01/2006	CCQ2432C	15	15	7,58	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
10	2124320086	Văn Thị Mỹ	Duyên	13/04/2006	CCQ2432C	15	15	7,54	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
11	2124320106	Nguyễn Trà	My	17/05/2006	CCQ2432C	15	15	7,51	Khá	73	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
12	2124320131	Đinh Thị Thảo	Vy	06/02/2006	CCQ2432C	15	15	7,45	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
13	2124320055	Đỗ Ngọc Quỳnh	Anh	01/06/2005	CCQ2432B	15	15	7,41	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
14	2124320121	Đào Thị Thảo	Vy	17/05/2006	CCQ2432C	15	15	7,4	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
		TỔNG CỘNG:	98													557.335.000	

Số tiền bằng chữ: Năm trăm năm mươi bảy triệu ba trăm ba mươi lăm ngàn đồng

Khóa học	Xuất sắc	Giỏi	Khá	TC
Khóa 46	0	1	7	8
Khóa 47	1	31	27	59
Khóa 48	1	11	19	31
Tổng cộng	2	43	53	98

NGƯỜI LẬP



Phạm Thị Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV



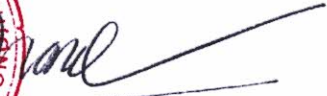
Lê Quang Vinh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Thị Tâm

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025
HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG


Ths. Trần Vũ Vượng

BẢNG TỔNG HỢP SINH VIÊN NHẬN TIỀN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024 - 2025

Stt	Khóa học	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc/sinh viên	Giỏi	Học bổng loại Giỏi/sinh viên	Khá	Học bổng loại Khá/sinh viên	Tổng cộng số sinh viên đạt học bổng	Tổng số tiền học bổng loại xuất sắc	Tổng số tiền học bổng loại giỏi	Tổng số tiền học bổng loại khá	Tổng cộng
1	Khóa 46	0	6,600,000	2	6,300,000	7	6,000,000	9	-	12,600,000	42,000,000	54,600,000
2	Khóa 47	0	6,380,000	22	6,090,000	8	5,800,000	30	-	133,980,000	46,400,000	180,380,000
3	Khóa 48	2	7,535,000	13	7,192,500	29	6,850,000	44	15,070,000	93,502,500	198,650,000	307,222,500
	Tổng cộng	2		37		44		83	15,070,000	240,082,500	287,050,000	542,202,500

Số tiền bằng chữ: Năm trăm bốn mươi hai triệu hai trăm lẻ hai ngàn năm trăm đồng

NGƯỜI LẬP

Phạm Thị Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV

Lê Quang Vinh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Thị Tâm

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



KY. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Ths. Trần Vũ Vượng

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN TIỀN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024 - 2025

Kèm theo quyết định số: 126/QĐ-CDCT, ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh

DVT: đồng

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
Khóa 46																54,600,000	
I	Ngành Công nghệ thông tin																54,600,000
1	2122110380	Vũ Hoàng	Chính	22/02/2004	CCQ2211J	15	15	8.05	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1,200,000	5	6,300,000	
2	2122110524	Dương Thị Ái	Nhi	20/08/2004	CCQ2211M	17	17	8.05	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1,200,000	5	6,300,000	
3	2122110501	Nguyễn Lục Song	Nguyên	26/09/2004	CCQ2211H	16	16	7.9	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1,200,000	5	6,000,000	
4	2122110254	Phan Ngọc	Thương	06/09/2004	CCQ2211G	23	20	7.79	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1,200,000	5	6,000,000	
5	2122110250	Trần Nhật	Tú	28/09/2004	CCQ2211G	15	15	7.75	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1,200,000	5	6,000,000	
6	2122110376	Lê Hoàng	Thiện	05/04/2003	CCQ2211J	20	20	7.73	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1,200,000	5	6,000,000	
7	2122110377	Lương Chí	Hiền	30/09/2004	CCQ2211J	20	20	7.56	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1,200,000	5	6,000,000	
8	2122110318	Nguyễn Nhật	Nguyên	25/09/2004	CCQ2211H	18	18	7.18	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1,200,000	5	6,000,000	
9	2122110233	Trần Nữ Bích	Thái	06/11/2003	CCQ2211F	18	18	7.09	Khá	90	Xuất sắc	Đạt	Khá	1,200,000	5	6,000,000	
II	Ngành Truyền thông và mạng máy tính: 0 suất (không sv nào đủ điều kiện xét, chỉ tiêu 02 suất)																
Khóa 47																180,380,000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
I	Ngành Công nghệ thông tin															149,930,000	
1	2123110213	Trần Minh	Phát	30/08/2005	CCQ2311F	15	15	9.23	Xuất sắc	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1,160,000	5	6,090,000	
2	2123110199	Nguyễn Thị Thu	Huyền	09/01/2005	CCQ2311F	15	15	8.97	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1,160,000	5	6,090,000	
3	2123110197	Trần Thanh	Sang	03/08/2005	CCQ2311F	15	15	8.79	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1,160,000	5	6,090,000	
4	2123110012	Trần Thị Hồng	Nhung	08/09/1999	CCQ2311A	16	16	8.66	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1,160,000	5	6,090,000	
5	2123110308	Lê Trần Chính	Nguyên	08/12/2005	CCQ2311I	19	19	8.57	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1,160,000	5	6,090,000	
6	2123110227	Nguyễn Đức	Trung	26/11/2005	CCQ2311G	16	16	8.55	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1,160,000	5	6,090,000	
7	2123110226	Nguyễn Tuấn Vũ	Duy	12/10/2005	CCQ2311G	16	16	8.43	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1,160,000	5	6,090,000	
8	2123110060	Tô Văn	Hung	21/02/2005	CCQ2311B	16	16	8.38	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1,160,000	5	6,090,000	
9	2123110154	Huỳnh Thị Ngọc	Ánh	20/08/2005	CCQ2311E	15	15	8.34	Giỏi	95	XS	Đạt	Giỏi	1,160,000	5	6,090,000	
10	2123110515	Lê Quý	Đôn	24/06/2005	CCQ2311M	18	18	8.33	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1,160,000	5	6,090,000	
11	2123110104	Nguyễn Hoài	Tâm	02/01/2005	CCQ2311C	18	18	8.33	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1,160,000	5	6,090,000	
12	2123110503	Nguyễn Ngọc Bảo	Ngân	03/12/2005	CCQ2311D	18	18	8.26	Giỏi	95	XS	Đạt	Giỏi	1,160,000	5	6,090,000	
13	2123110521	Nguyễn Hoàng	Lâm	27/01/2005	CCQ2311M	15	15	8.19	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1,160,000	5	6,090,000	
14	2123110046	Lê Võ Nhật	Pin	24/09/2005	CCQ2311B	18	18	8.16	Giỏi	83	Tốt	Đạt	Giỏi	1,160,000	5	6,090,000	
15	2123110273	Nguyễn Hữu	Quang	15/08/2005	CCQ2311H	19	19	8.14	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1,160,000	5	6,090,000	
16	2123110163	Đoàn Văn	Đức	27/10/2004	CCQ2311E	15	15	8.05	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1,160,000	5	6,090,000	
17	2123110195	Nguyễn Thị Mỹ	Nguyên	12/01/2003	CCQ2311F	15	15	8.04	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1,160,000	5	6,090,000	
18	2123110223	Nguyễn Huỳnh	Phúc	12/10/2004	CCQ2311G	16	16	8.84	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1,160,000	5	5,800,000	
19	2123110310	Tôn Quốc	Tuấn	11/11/2005	CCQ2311I	16	16	8.25	Giỏi	78	Khá	Đạt	Khá	1,160,000	5	5,800,000	
20	2123110042	Trần Thị Kim	Quý	11/12/2005	CCQ2311B	16	16	8.1	Giỏi	78	Khá	Đạt	Khá	1,160,000	5	5,800,000	
21	2123110478	Lâu Duy	Phúc	24/06/2005	CCQ2311L	18	18	7.99	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1,160,000	5	5,800,000	
22	2123110038	Nguyễn Anh	Quốc	18/03/2003	CCQ2311B	18	18	7.97	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1,160,000	5	5,800,000	
23	2123110158	Nguyễn Quỳnh Thắc	Vy	20/11/2005	CCQ2311E	15	15	7.94	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1,160,000	5	5,800,000	
24	2123110285	Hoàng Thanh	Hồng	01/10/2005	CCQ2311H	21	21	7.86	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1,160,000	5	5,800,000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
25	2123110365	Vi Ngọc	Hiệp	03/05/2003	CCQ2311J	15	15	7.75	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1,160,000	5	5,800,000	
II Ngành Truyền thông và mạng máy tính																30,450,000	
1	2123220034	Nguyễn Ngọc	Thịnh	10/01/2001	CCQ2322A	16	16	8.93	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1,160,000	5	6,090,000	
2	2123220079	Nguyễn Nguyên	Vũ	12/11/2005	CCQ2322C	18	18	8.77	Giỏi	95	XS	Đạt	Giỏi	1,160,000	5	6,090,000	
3	2123220086	Lê Thanh	Huy	28/07/2005	CCQ2322C	20	20	8.72	Giỏi	95	XS	Đạt	Giỏi	1,160,000	5	6,090,000	
4	2123220088	Dương Trùng	Vương	06/02/2001	CCQ2322C	15	15	8.67	Giỏi	95	XS	Đạt	Giỏi	1,160,000	5	6,090,000	
5	2123220083	Trần Nguyễn Gia	Hân	13/04/2005	CCQ2322C	18	18	8.58	Giỏi	95	XS	Đạt	Giỏi	1,160,000	5	6,090,000	
Khóa 48																307,222,500	
I Ngành Công nghệ thông tin																202,760,000	
1	2124110009	Trần Đức	Phương	10/06/2003	CCQ2411A	16	16	9.18	Xuất sắc	95	XS	Đạt	Xuất sắc	1,370,000	5	7,535,000	
2	2124110223	Trần Minh	Dương	13/03/2006	CCQ2411G	16	16	9.16	Xuất sắc	90	XS	Đạt	Xuất sắc	1,370,000	5	7,535,000	
3	2124110267	Phạm Dương Nhật	Nam	01/01/2006	CCQ2411B	16	16	8.82	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1,370,000	5	7,192,500	
4	2124110129	Nguyễn Ngọc	Lâu	28/02/2002	CCQ2411D	16	16	8.8	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1,370,000	5	7,192,500	
5	2124110075	Trần Thị Thảo	Như	10/09/2006	CCQ2411C	16	16	8.44	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1,370,000	5	7,192,500	
6	2124110080	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	17/01/2006	CCQ2411C	16	16	8.35	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1,370,000	5	7,192,500	
7	2124110247	Phạm	Đông	05/06/2001	CCQ2411G	16	16	8.12	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1,370,000	5	7,192,500	
8	2124110299	Nguyễn Thành	Nhân	18/07/2006	CCQ2411G	16	16	8.12	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1,370,000	5	7,192,500	
9	2124110269	Nguyễn Khánh	Huy	22/03/2006	CCQ2411B	16	16	8.11	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1,370,000	5	7,192,500	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
10	2124110231	Từ Gia	Thịnh	14/11/2006	CCQ2411G	16	16	8.04	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1,370,000	5	7,192,500	
11	2124110270	Trần Mỹ	Tiên	14/07/2006	CCQ2411A	16	16	8.35	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1,370,000	5	6,850,000	
12	2124110023	Đỗ Minh	Kiệt	01/01/2006	CCQ2411A	16	16	8.14	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1,370,000	5	6,850,000	
13	2124110019	Phan Văn	Lực	08/09/2006	CCQ2411A	16	16	8.08	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1,370,000	5	6,850,000	
14	2124110310	Lê Trần Minh	Hiền	18/02/2006	CCQ2411E	16	16	7.99	Khá	91	XS	Đạt	Khá	1,370,000	5	6,850,000	
15	2124110261	Hoàng Trọng	Nghĩa	15/06/2006	CCQ2411B	16	16	7.96	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1,370,000	5	6,850,000	
16	2124110291	Tổng Thái	Phát	29/01/2006	CCQ2411F	16	16	7.88	Khá	90	XS	Đạt	Khá	1,370,000	5	6,850,000	
17	2124110278	Phạm Ngọc Tiến	Cường	25/09/2006	CCQ2411A	16	16	7.88	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1,370,000	5	6,850,000	
18	2124110257	Lương Phúc Khang	An	08/09/2006	CCQ2411G	16	16	7.83	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1,370,000	5	6,850,000	
19	2124110029	Trần Thảo	Sương	31/01/2006	CCQ2411A	16	16	7.81	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1,370,000	5	6,850,000	
20	2124110014	Lê Võ Hồng	Tuyết	27/06/2006	CCQ2411E	16	16	7.81	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1,370,000	5	6,850,000	
21	2124110277	Lăng Văn	Hùng	09/05/2003	CCQ2411A	16	16	7.8	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1,370,000	5	6,850,000	
22	2124110301	Nguyễn Thị Thanh	Diệu	02/11/2006	CCQ2411E	16	16	7.74	Khá	93	XS	Đạt	Khá	1,370,000	5	6,850,000	
23	2124110295	Trần Minh	Đạt	02/03/2006	CCQ2411E	16	16	7.71	Khá	88	Tốt	Đạt	Khá	1,370,000	5	6,850,000	
24	2124110097	Võ Thị Thúy	An	30/11/2006	CCQ2411C	16	16	7.64	Khá	76	Khá	Đạt	Khá	1,370,000	5	6,850,000	
25	2124110043	Trần Thị Thảo	Vy	05/12/2006	CCQ2411B	16	16	7.59	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1,370,000	5	6,850,000	
26	2124110020	Nguyễn Minh	Trí	22/06/2006	CCQ2411A	16	16	7.59	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1,370,000	5	6,850,000	
27	2124110134	Trần Hoàng	Lin	12/09/2006	CCQ2411D	16	16	7.57	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1,370,000	5	6,850,000	

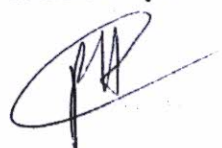
STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
28	2124110286	Trương Thị Hồng	Duyên	10/10/2006	CCQ2411A	16	16	7.46	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1,370,000	5	6,850,000	
29	2124110220	Nguyễn Hồng	Thanh	01/01/2006	CCQ2411G	16	16	7.43	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1,370,000	5	6,850,000	
II Ngành Truyền thông và mạng máy tính																21,577,500	
1	2124220032	Nguyễn Thành	Đạt	15/02/2001	CCQ2422A	16	16	8.54	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1,370,000	5	7,192,500	
2	2124220018	Lê Thanh	Phúc	22/08/2006	CCQ2422A	16	16	8.32	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1,370,000	5	7,192,500	
3	2124220028	Nguyễn Thị Nga	Diên	10/05/2005	CCQ2422A	16	16	8.31	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1,370,000	5	7,192,500	
III Ngành Thiết kế đồ họa																82,885,000	
1	2124350033	Phạm Thị Hồng	Hiếu	25/10/2006	CCQ2435A	17	17	8.68	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1,370,000	5	7,192,500	
2	2124350104	Trần Thị Mai	Hoa	14/08/2006	CCQ2435C	17	17	8.28	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1,370,000	5	7,192,500	
3	2124350072	Trần Thị Thủy	Tiên	16/10/2002	CCQ2435B	17	17	8.35	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1,370,000	5	6,850,000	
4	2124350040	Nguyễn Thị Tuyết	Hoa	10/11/2006	CCQ2435A	17	17	8.26	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1,370,000	5	6,850,000	
5	2124350079	Lê Thanh	Thư	15/10/2006	CCQ2435B	17	17	8.24	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1,370,000	5	6,850,000	
6	2124350068	Trần Lê Minh	Triết	21/08/2006	CCQ2435B	17	17	7.88	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1,370,000	5	6,850,000	
7	2124350093	Trần Lý Nhật	Tiến	16/07/2006	CCQ2435C	17	17	7.87	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1,370,000	5	6,850,000	
8	2124350016	Nguyễn Ngọc Anh	Khoa	01/12/2006	CCQ2435A	17	17	7.81	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1,370,000	5	6,850,000	
9	2124350118	Trương Lưu Hữu	Phiên	30/06/2005	CCQ2435C	17	17	7.71	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1,370,000	5	6,850,000	
10	2124350108	Nguyễn Văn	Hào	05/10/2006	CCQ2435C	17	17	7.71	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1,370,000	5	6,850,000	
11	2124350029	Nguyễn Trọng Khánh	Tuyền	07/05/2006	CCQ2435A	17	17	7.63	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1,370,000	5	6,850,000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/ tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
12	2124350087	Nguyễn Võ Ngọc	Trinh	16/09/2005	CCQ2435C	17	17	7.61	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1,370,000	5	6,850,000	
		TỔNG CỘNG:	83													542,202,500	

Số tiền bằng chữ: Năm trăm bốn mươi hai triệu hai trăm lẻ hai ngàn năm trăm đồng

Khóa học	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Tổng cộng
Khóa 46	0	2	7	9
Khóa 47	0	22	8	30
Khóa 48	2	13	29	44
Tổng cộng	2	37	44	83

NGƯỜI LẬP



Phạm Thị Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV



Lê Quang Vinh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Thị Tâm

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Ths. Trần Vũ Vượng

BẢNG TỔNG HỢP SINH VIÊN NHẬN TIỀN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP KHOA NGOẠI NGỮ
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024 - 2025

Stt	Khóa học	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc/sinh viên	Giỏi	Học bổng loại Giỏi/sinh viên	Khá	Học bổng loại Khá/sinh viên	Tổng cộng số sinh viên đạt học bổng	Tổng số tiền học bổng loại xuất sắc	Tổng số tiền học bổng loại giỏi	Tổng số tiền học bổng loại khá	Tổng cộng
1	Khóa 46	0	6,050,000	0	5,775,000	0	5,500,000	0	-	-	-	-
2	Khóa 47	1	5,775,000	7	5,512,500	6	5,250,000	14	5,775,000	38,587,500	31,500,000	75,862,500
3	Khóa 48	0	6,765,000	4	6,457,500	9	6,150,000	13	-	25,830,000	55,350,000	81,180,000
	Tổng cộng	1		11		15		27	5,775,000	64,417,500	86,850,000	157,042,500

Số tiền bằng chữ: Một trăm năm mươi bảy triệu không trăm bốn mươi hai ngàn năm trăm đồng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Thu Hiền

Lê Quang Vinh

Lê Thị Tâm

Ths. Trần Vũ Vượng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN TIỀN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP KHOA NGOẠI NGỮ
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024 - 2025

Kèm theo quyết định số: 1206/QĐ-CDCT, ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
	Khóa 46	không có sv nào đủ điều kiện xét, chỉ tiêu 05 suất															
	Khóa 47	Ngành Tiếng Anh														75,862,500	
1	2123240006	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	14/09/2003	CCQ2324A	16	16	9.43	Xuất sắc	95	Xuất sắc	Đạt	Xuất sắc	1,050,000	5	5,775,000	
2	2123240009	Bá Thị Mỹ	Dáng	16/08/2000	CCQ2324A	16	16	9.03	Xuất sắc	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1,050,000	5	5,512,500	
3	2123240182	Huỳnh Lê Tường	Vi	20/05/2005	CCQ2324F	15	15	8.9	Giỏi	100	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1,050,000	5	5,512,500	
4	2123240178	Huỳnh Kim	Ngân	02/04/2005	CCQ2324F	15	15	8.78	Giỏi	100	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1,050,000	5	5,512,500	
5	2123240179	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	18/12/2005	CCQ2324F	15	15	8.46	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1,050,000	5	5,512,500	
6	2123240162	Nguyễn Thị Kim	Xuyến	16/10/2003	CCQ2324F	15	15	8.34	Giỏi	100	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1,050,000	5	5,512,500	
7	2123240160	Lê Như	Ngọc	05/08/2005	CCQ2324F	15	15	8.96	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1,050,000	5	5,512,500	
8	2123240012	Nguyễn Thị Ngọc	Thi	22/02/2004	CCQ2324A	16	16	8.34	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1,050,000	5	5,512,500	
9	2123240120	Nguyễn Quốc	Đạt	03/07/2003	CCQ2324D	21	21	8.66	Giỏi	78	Khá	Đạt	Khá	1,050,000	5	5,250,000	
10	2123240159	Đỗ Thị Thùy	Linh	22/11/2005	CCQ2324F	15	15	8.6	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1,050,000	5	5,250,000	
11	2123240121	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	26/11/2004	CCQ2324D	21	21	8.47	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1,050,000	5	5,250,000	



STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
12	2123240170	Đặng Thị Yến	Nhi	19/10/2005	CCQ2324F	15	15	8.36	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1,050,000	5	5,250,000	
13	2123240013	Hà Thị Ánh	Nguyệt	24/02/2003	CCQ2324A	16	16	8.33	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1,050,000	5	5,250,000	
14	2123240005	Huỳnh Lương Khánh	Nhi	07/06/2003	CCQ2324A	16	16	8.23	Giỏi	78	Khá	Đạt	Khá	1,050,000	5	5,250,000	
Khóa 48		Ngành Tiếng Anh														81,180,000	
1	2124240149	Phan Đức	Mạnh	11/12/2001	CCQ2424A	15	15	9.02	Xuất sắc	82	Tốt	Đạt	Giỏi	1,230,000	5	6,457,500	
2	2124240007	Lâm Thị Như	Ý	01/06/2004	CCQ2424A	15	15	8.78	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1,230,000	5	6,457,500	
3	2124240019	Nguyễn Minh	Phương	29/01/2003	CCQ2424A	15	15	8.55	Giỏi	87	Tốt	Đạt	Giỏi	1,230,000	5	6,457,500	
4	2124240058	Cao Thị Thúy	Vân	04/11/2004	CCQ2424B	15	15	8.31	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1,230,000	5	6,457,500	
5	2124240124	Lã Minh	Trí	12/11/2006	CCQ2424C	15	15	8.65	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1,230,000	5	6,150,000	
6	2124240069	Vũ Duy	Bách	27/05/2004	CCQ2424B	15	15	8.61	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1,230,000	5	6,150,000	
7	2124240091	Trần Thị Kiều	Trinh	19/09/2004	CCQ2424C	15	15	8.59	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1,230,000	5	6,150,000	
8	2124240095	Nguyễn Phương	Trâm	13/08/2006	CCQ2424C	15	15	8.47	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1,230,000	5	6,150,000	
9	2124240090	Bùi Đặng Quang	Trung	25/10/2005	CCQ2424C	15	15	8.47	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1,230,000	5	6,150,000	
10	2124240060	Cáp Khánh	Hằng	06/07/2003	CCQ2424B	15	15	8.42	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1,230,000	5	6,150,000	
11	2124240096	Lê Ngọc Thanh	Trúc	03/03/2006	CCQ2424C	15	15	8.36	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1,230,000	5	6,150,000	
12	2124240108	Trần Thảo	Vy	24/10/2006	CCQ2424C	15	15	8.27	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1,230,000	5	6,150,000	
13	2124240005	Nguyễn Đào Châu	Thuận	14/02/2004	CCQ2424A	15	15	8.19	Giỏi	73	Khá	Đạt	Khá	1,230,000	5	6,150,000	
		TỔNG CỘNG: 27														157,042,500	

Số tiền bằng chữ: Một trăm năm mươi bảy triệu không trăm bốn mươi hai ngàn năm trăm đồng

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
-----	--------------	--------	-----	-----------	-----	----------	-----------	----------	----------	----------------	-------------------------	-------------------------------	---------------------------------	--------------------------	-----------------------------	----------------------------	---------

Khóa học	Xuất sắc	Giỏi	Khá	TC
Khóa 46	0	0	0	0
Khóa 47	1	7	6	14
Khóa 48	0	4	9	13
Tổng cộng	1	11	15	27

NGƯỜI LẬP

[Signature]

Phạm Thị Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV

[Signature]

Lê Quang Vinh

KÊ TOÁN TRƯỞNG

[Signature]

Lê Thị Tâm

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Ths. Trần Vũ Vượng



BẢNG TỔNG HỢP SINH VIÊN NHẬN TIỀN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP KHOA KHOA ĐIỆN ĐIỆN TỬ
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024 - 2025

Stt	Khóa học	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc/sinh viên	Giỏi	Học bổng loại Giỏi/sinh viên	Khá	Học bổng loại Khá/sinh viên	Tổng cộng số sinh viên đạt học bổng	Tổng số tiền học bổng loại xuất sắc	Tổng số tiền học bổng loại giỏi	Tổng số tiền học bổng loại khá	Tổng cộng
1	Khóa 46	0	6.600.000	3	6.300.000	8	6.000.000	11	-	18.900.000	48.000.000	66.900.000
2	Khóa 47	0	6.380.000	8	6.090.000	15	5.800.000	23	-	48.720.000	87.000.000	135.720.000
3	Khóa 48	0	7.535.000	13	7.192.500	33	6.850.000	46	-	93.502.500	226.050.000	319.552.500
	Tổng cộng	0		24		56		80	-	161.122.500	361.050.000	522.172.500

Số tiền bằng chữ: Năm trăm hai mươi hai triệu một trăm bảy mươi hai ngàn năm trăm đồng

NGƯỜI LẬP

Phạm Thị Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV

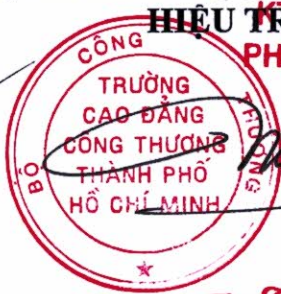
Lê Quang Vinh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Thị Tâm

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Ths. Trần Vũ Vương

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN TIỀN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP KHOA ĐIỆN ĐIỆN TỬ
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024 - 2025

Kèm theo quyết định số: 206 /QĐ-CDCT, ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày-sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt hay không đạt học bổng	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
Khóa 46																66.900.000	
Ngành Điện công nghiệp																30.300.000	
1	2122050149	Nguyễn Văn	Bảo	24/10/2004	CCQ2205D	22	22	8,56	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.200.000	5	6.300.000	
2	2122050020	Nguyễn Lê Hiếu	Nhân	17/11/2004	CCQ2205A	15	15	8,42	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.200.000	5	6.000.000	
3	2122180045	Trương Lương Nguyễn	Thành	13/11/2004	CCQ2205D	22	22	8,35	Giỏi	78	Khá	Đạt	Khá	1.200.000	5	6.000.000	
4	2122050126	Lê Thành	Trung	29/10/2004	CCQ2205D	19	19	8,14	Giỏi	78	Khá	Đạt	Khá	1.200.000	5	6.000.000	
5	2122050123	Nguyễn Văn	Vin	01/04/2003	CCQ2205D	15	15	7,57	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.200.000	5	6.000.000	
Ngành CNKT Nhiệt																36.600.000	
1	2122180121	Nguyễn Đình	Lai	14/02/2004	CCQ2218LA	18	18	8,1	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.200.000	5	6.300.000	
2	2122180120	Nguyễn Đình	Cường	16/03/2004	CCQ2218LA	18	18	8,08	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.200.000	5	6.300.000	
3	2122180058	Lê Hùng	Vương	12/08/2004	CCQ2218B	18	18	7,94	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.200.000	5	6.000.000	
4	2122180042	Nguyễn Huỳnh T	Kiệt	23/03/2004	CCQ2218B	21	21	7,77	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.200.000	5	6.000.000	
5	2122180062	Nguyễn Hữu	Kiên	09/11/2003	CCQ2218B	23	23	7,77	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.200.000	5	6.000.000	
6	2122180085	Lê Xuân	Lực	04/07/2004	CCQ2218C	16	16	7,73	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.200.000	5	6.000.000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt hay không đạt học bổng	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
Khóa 47																135.720.000	
Ngành CNKT điện công nghiệp																52.780.000	
1	2123050191	Võ Triệu	Thiên	01/05/2005	CCQ2305D	18	18	8,44	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
2	2123050032	Phạm Minh	Quý	03/03/2004	CCQ2305A	18	18	8,12	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
3	2123050134	Bá Trung	Hiếu	05/08/2005	CCQ2305C	15	15	8,12	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
4	2123050187	Phạm Công	Tiến	20/04/2005	CCQ2305D	18	18	8,09	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
5	2123050009	Nguyễn Thái	Son	02/06/2005	CCQ2305A	18	18	7,81	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
6	2123050008	Nguyễn Thái	Hòa	02/06/2005	CCQ2305A	18	18	7,66	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
7	2123050019	Nguy Thành	Giăng	01/05/2005	CCQ2305A	18	18	7,63	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
8	2123050139	Trần Đức	Hải	01/06/2005	CCQ2305C	20	20	7,62	Khá	72	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
9	2123050109	Lâm Văn	Lực	29/01/2005	CCQ2305C	18	18	7,57	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
Ngành CNKT điện tử																12.180.000	
1	2123060214	Nguyễn Thành	Tín	26/09/2003	CCQ2306A	17	17	8,66	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
2	2123060182	Nguyễn Văn	Hùng	27/12/2002	CCQ2306A	17	17	8	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
Ngành CNKT điều khiển và tự động hóa																30.160.000	
1	2123150053	Nguyễn Hữu	Trí	20/04/2005	CCQ2315B	16	16	8,9	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
2	2123150017	Phạm Minh	Trường	17/01/2003	CCQ2315A	16	16	8,39	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
3	2123150079	Nguyễn Thị Bích	Quyên	22/01/2005	CCQ2315C	19	19	8,18	Giỏi	95	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
4	2123150080	Đỗ Văn	Triều	16/09/2005	CCQ2315B	16	16	8,89	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
5	2123150095	Trần Vũ Quang	Huy	13/09/2005	CCQ2315C	18	18	8,01	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt hay không đạt học bổng	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/ tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
Ngành CNKT Nhiệt																34.800.000	
1	2123180089	Trần Văn	Thương	02/05/2005	CCQ2318C	20	20	7,93	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
2	2123180090	Nguyễn Văn	Đường	03/03/2005	CCQ2318C	17	17	7,54	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
3	2123180112	Đặng Trung	Tín	23/04/2001	CCQ2318C	20	20	7,4	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
4	2123180072	Nguyễn Minh	Thái	03/09/2005	CCQ2318C	20	20	7,38	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
5	2123180028	Trần Ngọc	Quý	04/02/2005	CCQ2318A	17	15	7,37	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
6	2123180109	Trần Quang	Đạt	20/12/2005	CCQ2318C	20	20	7,35	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
Ngành CNKT điện tử truyền thông																5.800.000	
1	2123230003	Dương Công	Quang	23/08/2005	CCQ2323A	15	15	6,93	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
Khóa 48																319.552.500	
Ngành CNKT điện, điện tử																83.912.500	
1	2124060041	Nguyễn Thành	Viên	10/01/2001	CCQ2406B	16	16	8,6	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
2	2124060069	Lê Thị Thu	Thảo	29/09/2006	CCQ2406B	16	16	8,56	Giỏi	95	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
3	2124060006	Chu Viết	Bảo	04/12/2006	CCQ2406A	16	16	8,51	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
4	2124060007	Nguyễn Duy	Quang	30/06/2006	CCQ2406A	16	16	8,23	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
5	2124060117	Trịnh Công	Minh	11/12/2006	CCQ2406B	16	16	8,12	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
6	2124060018	Trịnh Thông	Minh	08/11/2006	CCQ2406A	16	16	7,99	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
7	2124060106	Phan Trà	My	09/01/2006	CCQ2406C	16	16	7,98	Khá	89	Tốt	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
8	2124060019	Dương Trung	Ngọc	30/05/2006	CCQ2406A	16	16	7,77	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
9	2124060002	Thiều Quang Tấ	Yên	04/07/2006	CCQ2406A	16	16	7,74	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt hay không đạt học bổng	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
10	2124060125	Vũ Đức	Hoà	04/01/2006	CCQ2406A	16	16	7,71	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
11	2124060046	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	18/02/2006	CCQ2406B	16	16	7,71	Khá	95	Xuất sắc	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
12	2124060109	Đặng Đức	Nam	18/09/2006	CCQ2406C	16	16	7,65	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
Ngành CNKT điều khiển và tự động hóa																48.635.000	
1	2124150009	Võ Nguyễn Minh	Hoàng	02/11/2006	CCQ2415A	16	16	8,18	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
2	2124150003	Ngô Quốc	Huy	13/10/2006	CCQ2415A	16	16	8,14	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
3	2124150019	Văn Tấn	Duy	25/03/2006	CCQ2415A	16	16	8,06	Giỏi	73	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
4	2124150093	Nguyễn Quang	Huy	22/04/1999	CCQ2415B	16	16	7,96	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
5	2124150006	Nguyễn Hoàng	Long	17/10/2006	CCQ2415A	16	16	7,88	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
6	2124150020	Phạm Thành	Xinh	28/12/2003	CCQ2415A	16	16	7,77	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
7	2124150071	Nguyễn Minh	Hiếu	18/08/2006	CCQ2415A	16	16	7,71	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
Ngành CNKT Nhiệt																68.842.500	
1	2124180089	Hàn Văn	Hải	19/01/2005	CCQ2418A	17	17	8,28	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
2	2124180092	Phạm Nhựt	Duy	23/01/2006	CCQ2418A	17	17	8,09	Giỏi	87	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
3	2124180063	Đoàn Kim	Quyên	20/09/2006	CCQ2418B	17	17	7,8	Khá	77	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
4	2124180006	Dương Công	Toàn	03/02/2005	CCQ2418A	17	17	7,68	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
5	2124180047	Nguyễn Văn	Đạt	08/06/2006	CCQ2418B	17	17	7,36	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
6	2124180057	Nguyễn Thanh	Tâm	13/02/2006	CCQ2418B	17	17	7,22	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
7	2124180001	Nguyễn Phạm Đ	Trường	11/11/2006	CCQ2418A	17	17	7,14	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
8	2124180018	Đạo Quốc	Thảo	07/02/2006	CCQ2418A	17	17	7,04	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt hay không đạt học bổng	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/ tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
9	2124180011	Huỳnh Hữu	Thắng	09/04/2005	CCQ2418A	17	17	7	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
10	2124180054	Hồ Quốc	Được	15/10/2006	CCQ2418B	17	17	6,92	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
Ngành CNKT điện tử truyền thông																21.577.500	
1	2124230035	Nguyễn Trọng	Huy	30/06/2006	CCQ2423A	16	16	8,96	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
2	2124230002	Thái Trường	Thịnh	10/12/2006	CCQ2423A	16	16	8,54	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
3	2124230014	Lê Thị Trà	My	25/02/2006	CCQ2423A	16	16	8,49	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
Ngành Điện công nghiệp: suất																69.185.000	
1	2124330110	Vũ Văn	Hợp	09/10/1999	CCQ2433A	18	18	8,29	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
2	2124330037	Nguyễn Tấn	Phong	01/02/2006	CCQ2433A	18	18	8,17	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
3	2124330092	Phạm Minh	Trí	25/06/2006	CCQ2433B	18	18	8,12	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
4	2124330057	Nguyễn Mạnh	Thắng	03/04/2006	CCQ2433B	18	18	7,84	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
5	2124330001	Khổng Bảo	Tuấn	16/02/1999	CCQ2433A	18	18	7,78	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
6	2124330010	Nguyễn Thành	Toàn	10/11/2006	CCQ2433A	18	18	7,67	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
7	2124330099	Patâuxá	Minh	01/10/2005	CCQ2433B	18	18	7,57	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
8	2124330030	Châu Đạo Thiên	Tứ	07/06/2006	CCQ2433A	18	18	7,51	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
9	2124330084	Nguyễn Quang	Quân	04/12/2006	CCQ2433B	18	18	7,39	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
10	2124330095	Nguyễn Hồng	Phúc	04/07/2006	CCQ2433B	18	18	7,85	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
Ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí: suất																27.400.000	
1	2124340017	Nguyễn Phước	Hưng	22/05/2006	CCQ2434A	15	15	7,25	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
2	2124340037	Nguyễn Bảo	Châu	01/10/2006	CCQ2434A	15	15	7,01	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt hay không đạt học bổng	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
3	2124340003	Phạm Việt	Nam	04/09/2006	CCQ2434A	15	15	6,95	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
4	2124340021	Cao Bảo	Duy	16/01/2006	CCQ2434A	15	15	6,84	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
		TỔNG CỘNG:	80													522.172.500	

Số tiền bằng chữ: Năm trăm hai mươi hai triệu một trăm bảy mươi hai ngàn năm trăm đồng

Khóa học	Xuất sắc	Giỏi	Khá	TC
Khóa 46	0	3	8	11
Khóa 47	0	8	15	23
Khóa 48	0	13	33	46
Tổng cộng	0	24	56	80

NGƯỜI LẬP

Phạm Thị Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV

Lê Quang Vinh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Thị Tâm

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025



HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
CAO ĐẲNG
CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

Ths. Trần Vũ Vượng

BẢNG TỔNG HỢP SINH VIÊN NHẬN TIỀN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP KHOA CÔNG NGHỆ THỜI TRANG
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024 - 2025

Stt	Khóa học	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc/sinh viên	Giỏi	Học bổng loại Giỏi/sinh viên	Khá	Học bổng loại Khá/sinh viên	Tổng cộng số sinh viên đạt học bổng	Tổng số tiền học bổng loại xuất sắc	Tổng số tiền học bổng loại giỏi	Tổng số tiền học bổng loại khá	Tổng cộng
1	Khóa 46	0	6.600.000	1	6.300.000	2	6.000.000	3	-	6.300.000	12.000.000	18.300.000
2	Khóa 47	0	6.380.000	9	6.090.000	0	5.800.000	9	-	54.810.000	-	54.810.000
3	Khóa 48	0	7.535.000	1	7.192.500	10	6.850.000	11	-	7.192.500	68.500.000	75.692.500
	Tổng cộng	0		11		12		23	-	68.302.500	80.500.000	148.802.500

Số tiền bằng chữ: Một trăm bốn mươi tám triệu tám trăm linh hai ngàn năm trăm đồng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Ths. Trần Vũ Vượng

Phạm Thị Thu Hiền

Lê Quang Vinh

Lê Thị Tâm

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN TIỀN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP KHOA CÔNG NGHỆ THỜI TRANG
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024 - 2025

Kèm theo quyết định số: 1206/QĐ-CDCT, ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt hay không đạt học bổng	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	%	Số tiền học bổng được nhận
Khóa 46																	18.300.000
Ngành Da giày:																	6.000.000
1	212207000	Thái Thị Kim	Ngân	17/06/2004	CCQ2207A	21	21	7,06	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.200.000	5	100%	6.000.000
Ngành May:																	12.300.000
1	212213006	Nguyễn Nhã	Phương	27/01/2004	CCQ2213D	17	17	8,96	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.200.000	5	105%	6.300.000
2	212213008	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	07/03/2004	CCQ2213C	17	17	8,39	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.200.000	5	100%	6.000.000
Khóa 47																	54.810.000
Ngành Da giày:																	12.180.000
1	212307002	Nguyễn Thị Kim	Ngân	31/05/2002	CCQ2307A	18	18	8,72	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	105%	6.090.000
2	212307001	Lưu Thị Ngọc	Ánh	16/03/2005	CCQ2307A	18	18	8,71	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	105%	6.090.000
Ngành May:																	36.540.000
1	212313002	Phan Thị Ngọc	Nhi	04/11/2005	CCQ2313A	20	20	9,31	Xuất sắc	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	105%	6.090.000
2	212313004	Mai Hoài	Thương	20/11/1999	CCQ2313B	23	23	8,96	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	105%	6.090.000
3	212313002	Vũ Thị Thu	Huyền	31/01/2001	CCQ2313A	20	20	8,88	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	105%	6.090.000

CÔNG
TRU
CAO
CÔNG
THÀNH
HỒ CHÍ MINH

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt hay không đạt học bổng	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	%	Số tiền học bổng được nhận
4	212313000	Nguyễn Phan Kiề	Xa	19/05/2003	CCQ2313A	20	20	8,85	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	105%	6.090.000
5	212313001	Phạm Thị Hồng	Như	25/01/2005	CCQ2313A	20	20	8,6	Giỏi	100	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	105%	6.090.000
6	212313001	Hồ Thị Hồng	Ngọc	04/09/2005	CCQ2313A	23	23	8,52	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	105%	6.090.000
Ngành Thiết kế thời trang:																	6.090.000
1	212329001	Đỗ Thị Nguyệt	Nhi	19/10/2005	CCQ2329A	19	19	8,22	Giỏi	95	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	105%	6.090.000
Khóa 48																	75.692.500
Ngành Da giày:																	13.700.000
1	212407000	Ngô Đình	Tây	03/03/2006	CCQ2407A	16	16	7,84	Khá	90	Xuất sắc	Đạt	Khá	1.370.000	5	100%	6.850.000
2	212407002	Lê Thị Ngọc	Phụng	19/11/2006	CCQ2407A	16	16	7,79	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.370.000	5	100%	6.850.000
Ngành May:																	48.292.500
1	212413000	Nguyễn Thị Anh	Thư	31/10/2006	CCQ2413A	15	15	8,75	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	100%	6.850.000
2	212413007	Nguyễn Lưu Thảo	Ly	07/12/2006	CCQ2413B	15	15	8,21	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	105%	7.192.500
3	212413004	Trần Thị Hoài	Thương	27/10/2006	CCQ2413B	15	15	8,19	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	100%	6.850.000
4	212413003	Huỳnh Thị Kiều	Mến	30/01/2006	CCQ2413B	15	15	8,1	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	100%	6.850.000
5	212413001	Bùi Thị Thanh	Hiếu	20/10/2006	CCQ2413A	15	15	7,9	Khá	72	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	100%	6.850.000
6	212413007	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	28/11/2006	CCQ2413B	15	15	7,88	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	100%	6.850.000
7	212413003	Hoàng Thị Huyền	Trâm	09/01/2006	CCQ2413A	15	15	7,73	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	100%	6.850.000
Ngành Thiết kế thời trang:																	13.700.000
1	212429000	Trương Thị Thảo	Ly	06/06/2005	CCQ2429A	16	16	8,37	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	100%	6.850.000

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt hay không đạt học bổng	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/ tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	%	Số tiền học bổng được nhận
2	212429000	Trần Thị Ngọc	Anh	30/04/2005	CCQ2429A	16	16	7,89	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	100%	6.850.000
		TỔNG CỘNG:	23												148.802.500		

Số tiền bằng chữ: Một trăm bốn mươi tám triệu tám trăm linh hai ngàn năm trăm đồng

Khóa học	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Tổng cộng
Khóa 46	0	1	2	3
Khóa 47	0	9	0	9
Khóa 48	0	1	10	11
Tổng cộng	0	11	12	23

NGƯỜI LẬP



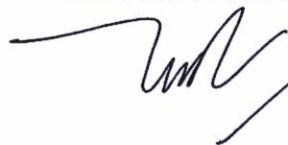
Phạm Thị Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV



Lê Quang Vinh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Thị Tâm

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025



Ths. Trần Vũ Vượng

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



BẢNG TỔNG HỢP SINH VIÊN NHẬN TIỀN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP KHOA DU LỊCH
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024 - 2025

Stt	Khóa học	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc/sinh viên	Giỏi	Học bổng loại Giỏi/sinh viên	Khá	Học bổng loại Khá/sinh viên	Tổng cộng số sinh viên đạt học bổng	Tổng số tiền học bổng loại xuất sắc	Tổng số tiền học bổng loại giỏi	Tổng số tiền học bổng loại khá	Tổng cộng
1	Khóa 46	0	6.050.000	0	5.775.000	2	5.500.000	2	-	-	11.000.000	11.000.000
2	Khóa 47	1	5.775.000	9	5.512.500	0	5.250.000	10	5.775.000	49.612.500	-	55.387.500
3	Khóa 48	0	6.765.000	11	6.457.500	23	6.150.000	34	-	71.032.500	141.450.000	212.482.500
4	Khóa 46 - CNTP	0	6.600.000	0	6.300.000	1	6.000.000	1	-	-	6.000.000	6.000.000
5	Khóa 47- CNTP	0	6.380.000	9	6.090.000	4	5.800.000	13	-	54.810.000	23.200.000	78.010.000
6	Khóa 48- CNTP	0	7.535.000	11	7.192.500	8	6.850.000	19	-	79.117.500	54.800.000	133.917.500
	Tổng cộng	1		40		38		79	5.775.000	254.572.500	236.450.000	496.797.500

Số tiền bằng chữ: Bốn trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi bảy ngàn năm trăm đồng

NGƯỜI LẬP


Phạm Thị Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV


Lê Quang Vinh

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Lê Thị Tâm

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025


HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Ths. Trần Vũ Vương

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN TIỀN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP KHOA DU LỊCH
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024 - 2025

Kèm theo quyết định số: 1206/QĐ-CDCT, ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
Khóa 46		Ngành Công nghệ thực phẩm														6.000.000	
1	2122210014	Đặng Thị	Tuyết	26/07/2004	CCQ2221E	15	15	6,97	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.200.000	5	6.000.000	
Khóa 47		Ngành Công nghệ thực phẩm														78.010.000	
1	2123210089	Lê Thị Ý	Thom	06/12/2005	CCQ2321C	17	17	8,97	Giỏi	95	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
2	2123210090	Nguyễn Thanh	Tuyền	01/09/2005	CCQ2321C	17	17	8,55	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
3	2123210049	Nguyễn Mỹ	Hoàng	19/12/2005	CCQ2321B	17	17	8,53	Giỏi	88	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
4	2123210191	Trịnh Vũ	Duy	03/06/2004	CCQ2321E	17	17	8,38	Giỏi	95	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
5	2123210134	Nguyễn Thị Mỹ	Yến	19/01/2005	CCQ2321D	20	20	8,37	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
6	2123210133	Nguyễn Thị Yến	Khoa	13/10/2005	CCQ2321D	20	20	8,28	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
7	2123210077	Danh Thị Cẩm	Tiên	03/05/2005	CCQ2321C	17	17	8,05	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
8	2123210172	Nguyễn Đức	Trí	10/08/2005	CCQ2321E	17	17	8,03	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	



STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
9	2123210113	Trần Đặng Mỹ	Thư	06/04/2005	CCQ2321D	20	20	8,01	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
10	2123210118	Hồ Thị	Diệu	04/04/2005	CCQ2321D	17	17	8,29	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
11	2123210165	Hồ Trúc	Mai	03/04/2005	CCQ2321E	17	17	8,2	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
12	2123210179	Nguyễn Thị Thu	Hiền	02/07/2005	CCQ2321E	17	17	8,07	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
13	2123210168	Trương Hoàng	Đạt	06/07/2005	CCQ2321E	17	17	7,94	Khá	90	Xuất sắc	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
Khóa 48		Ngành Công nghệ thực phẩm														133.917.500	
1	2124210159	Trần Thị Như	Ý	13/07/2006	CCQ2421D	18	18	8,89	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
2	2124210170	Nguyễn Thị Xuân	Hương	07/02/1999	CCQ2421B	18	18	8,74	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
3	2124210156	Nguyễn Thị Thúy	Duy	15/02/2006	CCQ2421B	18	18	8,52	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
4	2124210157	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	03/05/2006	CCQ2421D	18	18	8,49	Giỏi	95	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
5	2124210148	Nguyễn Thị Thúy	Vi	18/08/2006	CCQ2421D	18	18	8,44	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
6	2124210154	Phạm Tường	Vi	12/01/2006	CCQ2421D	18	18	8,41	Giỏi	95	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
7	2124210040	Nguyễn Thị Huyền	Diệu	10/04/2006	CCQ2421B	18	18	8,16	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
8	2124210145	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	12/03/2006	CCQ2421B	18	18	8,11	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
9	2124210147	Phạm Thị Minh	Như	21/02/2006	CCQ2421A	18	18	8,06	Giỏi	95	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
10	2124210043	Trần Diệu Thảo	Vy	08/07/2006	CCQ2421B	18	18	8,06	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
11	2124210026	Võ Thị Ngọc	Hân	15/01/2006	CCQ2421A	18	18	8,04	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
12	2124210005	Phạm Khánh	Quỳnh	29/08/2003	CCQ2421A	18	18	8,56	Giỏi	78	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
13	2124210012	Hà Minh	Thơ	18/12/2006	CCQ2421A	18	18	8,49	Giỏi	78	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
14	2124210087	Đặng Thanh Hồng	Lam	08/08/2006	CCQ2421C	18	18	8,41	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
15	2124210139	Hồ Ngọc Lan	Tường	08/05/2006	CCQ2421D	18	18	8,39	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
16	2124210107	Trần Thị Thanh	Trâm	25/12/2006	CCQ2421D	18	18	8,27	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
17	2124210019	Tô Thị Ngọc	Phụng	03/03/2006	CCQ2421A	18	18	8,2	Giỏi	72	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
18	2124210013	Trương Thị Thu	Thùy	22/07/2006	CCQ2421A	18	18	8,18	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
19	2124210174	Nguyễn Ngọc	Thanh	15/01/1978	CCQ2421C	18	18	8,1	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
Khóa 46																11.000.000	
Ngành Quản trị khách sạn																5.500.000	
1	2122260035	Trần Thị	Tĩnh	16/10/2004	CCQ2226B	16	16	7,48	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.100.000	5	5.500.000	
Ngành QTNH & DVAU																5.500.000	
1	2122270134	Nguyễn Dương	Kiệt	21/11/2004	CCQ2227C	15	15	7,85	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.100.000	5	5.500.000	
Khóa 47																55.387.500	
Ngành Quản trị khách sạn																55.387.500	
1	2123260127	Phùng Thị Minh	Phượng	24/06/2003	CCQ2326D	15	15	9,2	Xuất sắc	100	Xuất sắc	Đạt	Xuất sắc	1.050.000	5	5.775.000	
2	2123260072	Nguyễn Võ Gia	Hân	04/07/2005	CCQ2326C	15	15	8,96	Giỏi	95	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
3	2123260174	Lê Lâm Nhật	Yến	22/03/2005	CCQ2326C	15	15	8,62	Giỏi	95	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
4	2123260091	Trương Ngọc	Dung	30/10/2005	CCQ2326C	15	15	8,5	Giỏi	84	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
5	2123260078	Thạch	Hoa	06/01/2004	CCQ2326C	18	18	8,17	Giỏi	95	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
6	2123260081	Trần Thị	Lan	09/03/2005	CCQ2326C	18	18	8,12	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	


 ỦY BAN
 ĐẠO ĐỨC
 THUỐC
 NH PH
 CHÍ MI

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
7	2123260190	Bùi Thị Thùy	Trang	17/04/2005	CCQ2326C	15	15	8,08	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
8	2123260093	Nguyễn Thị Ánh	Duyên	11/08/2005	CCQ2326C	15	15	8,06	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
9	2123260112	Hồ Thị Kim	Ngân	24/06/2005	CCQ2326D	15	15	8,06	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
10	2123260129	Mã Thị	Diễm	06/03/2005	CCQ2326D	15	15	8,04	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.050.000	5	5.512.500	
Khóa 48																212.482.500	
Ngành Quản trị khách sạn																112.237.500	
1	2124260030	Phạm Thị Ngọc	Ánh	26/01/2004	CCQ2426A	18	18	8,52	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
2	2124260132	Nguyễn Thị Thùy	Dung	28/05/2006	CCQ2426D	18	18	8,23	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
3	2124260121	Phạm Thị	Loan	26/03/2006	CCQ2426D	18	18	8,23	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
4	2124260129	Lưu Thị Ngọc	Thương	06/12/2006	CCQ2426D	18	18	8,09	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
5	2124260143	Huỳnh Thu	Thùy	31/08/2004	CCQ2426D	18	18	8,21	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
6	2124260020	Võ Thị Ngọc	Nhi	23/12/2006	CCQ2426A	18	18	8,96	Giỏi	74	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
7	2124260026	Nguyễn Ngọc	Phương	14/09/2006	CCQ2426A	18	18	8,72	Giỏi	71	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
8	2124260138	Lê Thị Kim	Liên	26/12/2005	CCQ2426D	18	18	7,94	Khá	90	Xuất sắc	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
9	2124260149	Nguyễn Thị Đoan	Trang	28/11/2006	CCQ2426C	18	18	7,88	Khá	90	Xuất sắc	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
10	2124260156	Đỗ Thị Thuý	Duyên	24/12/2006	CCQ2426A	18	18	7,87	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
11	2124260039	Nguyễn Thị Tố	Viên	04/01/2006	CCQ2426B	18	18	7,82	Khá	84	Tốt	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
12	2124260024	Hồ Thị Huệ	Linh	19/08/2006	CCQ2426A	18	18	7,81	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
13	2124260148	Dương Thị Hoài	Thế	12/01/2006	CCQ2426C	18	18	7,79	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
14	2124260117	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	18/03/2006	CCQ2426D	18	18	7,74	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
15	2124260139	Nguyễn Hoàng Gia	Hân	03/11/2006	CCQ2426D	18	18	7,64	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
16	2124260162	Mai Ngọc	Hân	07/08/2004	CCQ2426A	18	18	7,62	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
17	2124260124	Nguyễn Thị Phương	Thắm	27/03/2006	CCQ2426D	18	18	7,6	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
18	2124260047	Điền Nguyễn Nhật	Quỳnh	30/01/2005	CCQ2426B	18	18	7,59	Khá	83	Tốt	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
Ngành QTNH & DVAU																100.245.000	
1	2124270117	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	29/06/2005	CCQ2427D	18	18	8,87	Giỏi	82	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
2	2124270059	Trần Thị Lệ	Quỳnh	16/10/2006	CCQ2427B	18	18	8,84	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
3	2124270065	Phạm Như	Bình	27/10/2006	CCQ2427B	18	18	8,69	Giỏi	92	Xuất sắc	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
4	2124270010	Nguyễn Hoàng Minh	Mẫn	15/10/2006	CCQ2427A	18	18	8,13	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
5	2124270072	Đặng Lê Trúc	Loan	30/04/2006	CCQ2427B	18	18	8,1	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
6	2124270022	Huỳnh Thị Ngọc	Hân	06/04/2005	CCQ2427A	18	18	8,09	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.230.000	5	6.457.500	
7	2124270101	Đặng Bích	Trâm	30/11/2006	CCQ2427C	18	18	8,13	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
8	2124270113	Nguyễn Lê Cẩm	Tiên	26/05/2006	CCQ2427D	18	18	7,97	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
9	2124270045	Nguyễn Thành	Danh	04/05/2006	CCQ2427B	18	18	7,86	Khá	90	Xuất sắc	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
10	2124270013	Trần Thị	Hoa	19/04/2006	CCQ2427A	18	18	7,63	Khá	71	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
11	2124270025	Phạm Thị Bích	Thuận	15/11/2006	CCQ2427A	18	18	7,57	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
12	2124270041	Nguyễn Thị Thúy	An	05/08/2006	CCQ2427B	18	18	7,53	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
13	2124270124	Lê Đỗ Thị	Giàu	20/07/2006	CCQ2427D	18	18	7,41	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
14	2124270029	Đình Quốc	Hung	18/01/2006	CCQ2427A	18	18	7,29	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
15	2124270054	Dương Thị Như	Quỳnh	04/12/2006	CCQ2427B	18	18	7,28	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
16	2124270023	Lê Thị Minh	Thư	22/12/2006	CCQ2427A	18	18	7,23	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.230.000	5	6.150.000	
		TỔNG CỘNG:	79													496.797.500	

Số tiền bằng chữ: Bốn trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi bảy ngàn năm trăm đồng

Khóa học	Xuất sắc	Giỏi	Khá	TC
Khóa 46	0	0	2	2
Khóa 47	1	9	0	10
Khóa 48	0	11	23	34
Khóa 46 - CNTP	0	0	1	1
Khóa 47- CNTP	0	9	4	13
Khóa 48- CNTP	0	11	8	19
Tổng cộng	1	40	38	79

NGƯỜI LẬP



Phạm Thị Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV



Lê Quang Vinh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Thị Tâm

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
HIỆU TRƯỞNG



Ths. Trần Vũ Vượng

BẢNG TỔNG HỢP SINH VIÊN NHẬN TIỀN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP KHOA CƠ KHÍ
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024 - 2025

Stt	Khóa học	Xuất sắc	Học bổng loại Xuất sắc/sinh viên	Giỏi	Học bổng loại Giỏi/sinh viên	Khá	Học bổng loại Khá/sinh viên	Tổng cộng số sinh viên đạt học bổng	Tổng số tiền học bổng loại xuất sắc	Tổng số tiền học bổng loại giỏi	Tổng số tiền học bổng loại khá	Tổng cộng
1	Khóa 46	0	6.600.000	0	6.300.000	3	6.000.000	3	-	-	18.000.000	18.000.000
2	Khóa 47	0	6.380.000	11	6.090.000	40	5.800.000	51	-	66.990.000	232.000.000	298.990.000
3	Khóa 48	0	7.535.000	13	7.192.500	58	6.850.000	71	-	93.502.500	397.300.000	490.802.500
	Tổng cộng	0		24		101		125	-	160.492.500	647.300.000	807.792.500

Số tiền bằng chữ: Tám trăm linh bảy triệu bảy trăm chín mươi hai ngàn năm trăm đồng

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV

KÊ TOÁN TRƯỞNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

Phạm Thị Thu Hiền

Lê Quang Vinh

Lê Thị Tâm

HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Ths. Trần Vũ Vượng

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN TIỀN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP KHOA CƠ KHÍ
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024 - 2025

Kèm theo quyết định số: 1206/QĐ-CDCT, ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
Khóa 46:																18.000.000	
Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí																12.000.000	
1	2122030070	Võ Trần Khánh	Duy	22/05/2004	CCQ2203B	21	21	7,58	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.200.000	5	6.000.000	
2	2122030197	Nguyễn Anh	Hào	05/06/2004	CCQ2203F	17	16	7,51	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.200.000	5	6.000.000	
Ngành Công nghệ chế tạo máy																6.000.000	
1	2122040033	Thiều Văn	Tiến	12/06/2004	CCQ2204A	16	16	7,29	Khá	88	Tốt	Đạt	Khá	1.200.000	5	6.000.000	
Khóa 47																298.990.000	
Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí																18.270.000	
1	2123030162	Trần Khắc	Vin	05/06/2005	CCQ2303E	17	17	8,8	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
2	2123030120	Lưu Hoàng	Nhi	11/01/2005	CCQ2303D	16	16	8,23	Giỏi	95	XS	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
3	2123030239	Lê Minh	Luân	01/12/2005	CCQ2303G	17	17	8,55	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
Ngành CNKT Cơ điện tử																34.800.000	
1	2123140028	Lê Văn	Của	01/12/2004	CCQ2314A	17	17	7,73	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
2	2123140087	Nguyễn Vũ	Duy	26/05/2005	CCQ2314A	17	17	7,55	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	



STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
3	2123140026	Trần Văn	Đức	29/07/2005	CCQ2314A	17	17	7,32	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
4	2123140033	Huỳnh Quang	Chiến	10/04/2005	CCQ2314A	20	20	7,13	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
5	2123140064	Nguyễn Công	Cương	01/02/2005	CCQ2314B	17	17	7,02	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
6	2123140123	Nguyễn Tấn	Hoành	18/01/2005	CCQ2314A	17	17	6,89	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
Ngành CNKT Ô tô																245.920.000	
1	2123170555	Nguyễn Hữu Minh	Phúc	29/10/2002	CCQ2317P	23	23	8,84	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
2	2123170635	Trương Hoàng	Đức	22/06/2005	CCQ2317R	23	23	8,57	Giỏi	100	XS	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
3	2123170169	Nguyễn Tấn	Bảo	17/04/2005	CCQ2317E	23	23	8,52	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
4	2123170203	Nguyễn	Đông	11/07/2005	CCQ2317F	20	20	8,51	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
5	2123170334	Ngô Phước	Lộc	10/07/2005	CCQ2317J	20	20	8,35	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
6	2123170344	Nguyễn Văn Khôi	Nguyên	22/10/2005	CCQ2317J	17	17	8,25	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
7	2123170107	Nguyễn Minh	Thành	28/12/2004	CCQ2317D	20	20	8,24	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
8	2123170318	Trần Văn	Cường	02/08/2005	CCQ2317J	23	23	8,16	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
9	2123170228	Trần Quốc	Toàn	07/03/2005	CCQ2317G	23	23	8,12	Giỏi	76	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
10	2123170283	Võ Nguyễn Thanh	Tâm	08/04/2005	CCQ2317I	23	23	8,12	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
11	2123170589	Trần Phương	Bình	10/10/2005	CCQ2317Q	23	23	8,1	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
12	2123170325	Nguyễn Võ Văn	Thân	24/01/2005	CCQ2317J	18	18	8,07	Giỏi	81	Tốt	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
13	2123170215	Lê Thị Phương	Nhi	16/04/2005	CCQ2317G	23	23	8,05	Giỏi	95	XS	Đạt	Giỏi	1.160.000	5	6.090.000	
14	2123170590	Trần Khánh	Nam	12/11/2005	CCQ2317Q	23	23	8,05	Giỏi	71	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
15	2123170008	Nguyễn Minh	Toàn	31/07/2004	CCQ2317A	20	20	7,98	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
16	2123170302	Nguyễn Văn	Dũng	19/05/2004	CCQ2317I	23	23	7,93	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
17	2123170266	Mai Ngọc	Quý	27/01/2005	CCQ2317H	20	20	7,88	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
18	2123170036	Võ Duy	Bảo	12/04/2005	CCQ2317B	20	20	7,86	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
19	2123170214	Lão Văn	Hùng	01/02/2005	CCQ2317G	23	23	7,86	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
20	2123170327	Phạm Thanh	Hoàng	07/04/2005	CCQ2317J	17	17	7,85	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
21	2123170144	Nguyễn Thiện	Tâm	27/09/2005	CCQ2317E	23	23	7,83	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
22	2123170390	Huỳnh Lương Phước	Luân	05/01/2005	CCQ2317L	23	23	7,83	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
23	2123170472	Trịnh Chí	Hướng	26/09/2005	CCQ2317N	23	23	7,8	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
24	2123170259	Dươn Si	Phon	14/02/2005	CCQ2317H	20	20	7,74	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
25	2123170426	Nguyễn Minh	Tiến	04/03/2005	CCQ2317M	20	20	7,73	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
26	2123170342	Nguyễn Xuân	Hào	17/11/2005	CCQ2317J	17	17	7,71	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
27	2123170329	Võ Văn	Hiếu	28/11/2005	CCQ2317J	20	20	7,71	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
28	2123170316	Lê Anh	Khôi	22/10/2005	CCQ2317I	23	23	7,7	Khá	95	XS	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
29	2123170049	Phạm Lê Anh	Khoa	03/02/2005	CCQ2317B	20	20	7,66	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
30	2123170057	Lương Nhật	Tiến	08/12/2005	CCQ2317B	20	20	7,65	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
31	2123170056	Hà Sơn	Tường	07/06/2003	CCQ2317B	15	15	7,64	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
32	2123170490	Nguyễn Mạnh	Tinh	09/11/2005	CCQ2317N	20	20	7,63	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
33	2123170353	Nguyễn Văn	Nhật	23/06/2005	CCQ2317K	23	23	7,6	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
34	2123170354	Lê Thanh	Phúc	09/12/2005	CCQ2317K	23	23	7,59	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
35	2123170480	Nguyễn Thanh	Trà	03/10/2003	CCQ2317N	20	20	7,59	Khá	78	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	

NG
RƯỜ
AO Đ
G TH
ÀNH
CHÍ I

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
36	2123170015	Nguyễn Văn	Trường	09/08/2005	CCQ2317A	20	20	7,56	Khá	74	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
37	2123170288	Võ Thái	Ngọc	17/03/2005	CCQ2317I	23	23	7,52	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
38	2123170055	Bùi Thái	Nguyên	29/11/2005	CCQ2317B	17	17	7,51	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
39	2123170458	Đinh Công	Thanh	16/09/2005	CCQ2317M	23	23	7,47	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
40	2123170280	Lê Trương Quốc	Huy	21/10/2005	CCQ2317H	20	20	7,46	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
41	2123170437	Đặng Ngọc	Hiền	13/08/2005	CCQ2317M	23	23	7,46	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
42	2123170571	Nguyễn Đức	Tài	11/04/2005	CCQ2317Q	20	20	7,45	Khá	73	Khá	Đạt	Khá	1.160.000	5	5.800.000	
	Khóa 48															490.802.500	
	Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí															145.220.000	
1	2124030029	Quách Đại	Tứ	17/01/2006	CCQ2403A		16	8,53	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
2	2124030207	Bùi Thanh	Tú	29/05/2006	CCQ2403D		16	8,43	Giỏi	100	XS	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
3	2124030212	Nguyễn Ngọc Kim	Thi	21/10/2006	CCQ2403E		16	8,4	Giỏi	90	XS	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
4	2124030160	Lưu Nguyễn Duy	Khoa	17/05/2006	CCQ2403E		16	8,2	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
5	2124030198	Đinh Nguyên	Hoàng	11/04/2006	CCQ2403B		16	8,1	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
6	2124030028	Phùng Lý	Phước	02/05/2001	CCQ2403A		16	8,1	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
7	2124030205	Phạm Văn	Thuận	25/10/2006	CCQ2403D		16	8,08	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
8	2124030168	Hồ Thanh	Bảo	28/04/2006	CCQ2403E		16	8,08	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
9	2124030173	Nguyễn Văn	Phú	18/08/2005	CCQ2403E		16	8,01	Giỏi	78	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
10	2124030191	Trương Ngọc	Công	29/03/2006	CCQ2403A		16	8	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
11	2124030193	Bùi Anh	Tân	04/03/2006	CCQ2403E		16	7,96	Khá	83	Tốt	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
12	2124030136	Trần Tuấn	Duy	09/06/2006	CCQ2403D		16	7,9	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
13	2124030189	Đỗ Quốc	Thịnh	25/12/2006	CCQ2403D		16	7,81	Khá	73	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
14	2124030204	La	Tấn	13/01/2005	CCQ2403E		16	7,78	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
15	2124030224	Trần Quang	Phú	25/07/2003	CCQ2403E		16	7,75	Khá	100	XS	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
16	2124030024	Đoàn Phát	Tài	13/09/2006	CCQ2403A		16	7,75	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
17	2124030016	Đình Quang	Hậu	26/10/2006	CCQ2403A		16	7,69	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
18	2124030058	Nguyễn Thanh	Hà	19/03/2006	CCQ2403B		16	7,66	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
19	2124030216	Đặng Đức	Vụ	27/07/2006	CCQ2403E		16	7,64	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
20	2124030001	Nguyễn Thanh	Tâm	22/02/2004	CCQ2403A		16	7,6	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
21	2124030070	Trần Đăng	Quang	01/05/2006	CCQ2403B		16	7,55	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
Ngành Công nghệ chế tạo máy																61.650.000	
1	2124040101	Lưu Văn	Thuận	21/05/2005	CCQ2404C		16	7,85	Khá	86	Tốt	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
2	2124040073	Võ Nguyên	Hạo	02/10/2006	CCQ2404C		16	7,83	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
3	2124040015	Bùi Tuấn	Khang	25/05/2006	CCQ2404A		18	7,73	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
4	2124040012	Lê Trung	Nhân	08/02/2000	CCQ2404A		18	7,58	Khá	73	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
5	2124040010	Phạm Lữ Hoài	Phương	30/09/2006	CCQ2404A		18	7,5	Khá	73	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
6	2124040095	Trần Nhật	Huy	25/02/2005	CCQ2404B		18	7,4	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
7	2124040110	Nguyễn Hoàng Gia	Bảo	16/04/2006	CCQ2404A		16	7,39	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
8	2124040016	Lê Anh	Khoa	04/11/2006	CCQ2404A		16	7,26	Khá	73	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
9	2124040076	Trần Minh	Vũ	15/09/2006	CCQ2404C		16	7,25	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	

NG
DONG
HỒ
TINH

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
	Ngành CNKT Cơ điện tử															76.720.000	
1	2124140004	Nguyễn Trường	Ngoan	01/11/2006	CCQ2414A		17	8,71	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
2	2124140110	Lê Tuấn	Kiệt	21/07/2006	CCQ2414B		17	8,68	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
3	2124140117	Ngô Đại	Nghĩa	16/12/2006	CCQ2414B		17	8,02	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
4	2124140001	Đỗ Minh	Thuận	07/07/2006	CCQ2414A		17	8	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
5	2124140112	Nguyễn Thành	Đạt	23/06/2005	CCQ2414A		17	7,86	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
6	2124140118	Phạm Trọng	Tuấn	02/02/2006	CCQ2414C		17	7,84	Khá	91	XS	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
7	2124140097	Đặng Quang	Hoàng	16/03/2006	CCQ2414C		17	7,79	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
8	2124140124	Trần Hùng Chí	Vỹ	12/05/2006	CCQ2414C		17	7,76	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
9	2124140091	Nguyễn Minh	Hậu	30/09/2006	CCQ2414C		17	7,47	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
10	2124140043	Phan Quang	Thuy	20/05/2006	CCQ2414B		17	7,41	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
11	2124140094	Lê Hoàng	Đức	17/07/2006	CCQ2414C		17	7,31	Khá	80	Tốt	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
	Ngành CNKT Ô tô															207.212.500	
1	2124170231	Đoàn Lê Hưng	Thịnh	16/12/1993	CCQ2417G	15	15	9	XS	85	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
2	2124170187	Nguyễn Minh	Đạt	11/09/2006	CCQ2417F	15	15	8,37	Giỏi	100	XS	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
3	2124170243	Võ Minh	Sang	02/03/2006	CCQ2417G	15	15	8,37	Giỏi	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
4	2124170029	Nguyễn Tấn	Tài	05/10/2006	CCQ2417A	15	15	8,35	Giỏi	78	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
5	2124170137	Đỗ Tấn	Lộc	13/04/2006	CCQ2417D	15	15	8,23	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
6	2124170219	Phạm Quốc	Thịnh	29/08/2006	CCQ2417G	15	15	8,13	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
7	2124170221	Lê Nguyên	Lý	21/01/2006	CCQ2417G	15	15	8,09	Giỏi	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
8	2124170203	Đỗ Hoàng Anh	Khoa	27/05/2006	CCQ2417F	15	15	8,08	Giỏi	81	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
9	2124170232	Lê Dương	Thanh	07/07/2006	CCQ2417G	15	15	8,03	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Giỏi	1.370.000	5	7.192.500	
10	2124170226	Phạm Lê Quang	Minh	17/05/2006	CCQ2417G	15	15	7,91	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
11	2124170245	Bùi Thanh Trường	Phúc	20/07/2006	CCQ2417G	15	15	7,91	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
12	2124170295	Vũ Văn	Nguyên	02/02/2005	CCQ2417H	15	15	7,83	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
13	2124170051	Lê Minh	Thiên	13/04/2006	CCQ2417B	15	15	7,81	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
14	2124170276	Nguyễn Ngọc Khánh	Trình	11/01/2004	CCQ2417H	15	15	7,81	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
15	2124170168	Chau Đô	La	05/08/2006	CCQ2417E	15	15	7,75	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
16	2124170019	Võ Nhựt	Hào	31/08/2006	CCQ2417A	15	15	7,74	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
17	2124170061	Nguyễn Thành	Đạt	04/04/2006	CCQ2417B	15	15	7,71	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
18	2124170054	Trần Tấn	Huynh	10/04/2006	CCQ2417B	15	15	7,67	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
19	2124170035	Trần Thế	Hào	03/12/2006	CCQ2417A	15	15	7,65	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
20	2124170174	Lê Văn	Toàn	07/02/2006	CCQ2417E	15	15	7,64	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
21	2124170012	Võ Quý	Thế	21/05/2006	CCQ2417A	15	15	7,61	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
22	2124170241	Đỗ Khởi	Phát	30/11/2006	CCQ2417G	15	15	7,6	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
23	2124170069	Huỳnh Hữu	Luân	01/01/2006	CCQ2417B	15	15	7,59	Khá	70	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
24	2124170193	Huỳnh Phúc	Hậu	30/04/2006	CCQ2417F	15	15	7,59	Khá	85	Tốt	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
25	2124170030	Nguyễn Quang	Vũ	14/06/2006	CCQ2417A	15	15	7,53	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
26	2124170002	Nguyễn Đức	Vượng	03/03/2002	CCQ2417A	15	15	7,51	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
27	2124170320	Đỗ Văn	Thông	04/04/2006	CCQ2417H	15	15	7,4	Khá	77	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Số TC ĐK	Số TC Đạt	Điểm TBC	Xếp loại	Điểm rèn luyện	Xếp loại điểm rèn luyện	Hội đồng khoa kết luận sv đạt	Hội đồng khoa xếp loại học bổng	Mức hưởng học bổng/tháng	Số tháng sinh viên nhận học bổng/kỳ	Số tiền học bổng được nhận	Ký nhận
28	2124170052	Lê Thanh	Hoài	23/03/2006	CCQ2417B	15	15	7,39	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
29	2124170032	Nguyễn Võ Ngọc Ph	Bảo	02/12/2006	CCQ2417A	15	15	7,37	Khá	78	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
30	2124170206	Phạm Nguyễn Ngọc	Tuấn	24/09/2006	CCQ2417F	15	15	7,34	Khá	75	Khá	Đạt	Khá	1.370.000	5	6.850.000	
		TỔNG CỘNG:	125													807.792.500	

Số tiền bằng chữ: Tám trăm linh bảy triệu bảy trăm chín mươi hai ngàn năm trăm đồng

Khóa học	Xuất sắc	Giỏi	Khá	TC
Khóa 46	0	0	3	3
Khóa 47	0	11	40	51
Khóa 48	0	13	58	71
Tổng cộng	0	24	101	125

NGƯỜI LẬP


Phạm Thị Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV


Lê Quang Vinh

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Lê Thị Tâm

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG




Ths. Trần Vũ Vượng